

ĐỀ 1

Câu 1: Loại khoáng sản mang lại giá trị kinh tế cao mà chúng ta đang khai thác ở các vùng của Biển Đông là

- A. vàng. B. sa khoáng. C. titan. D. dầu mỏ, khí đốt.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với gió mùa Đông Bắc ở nước ta

- A. Thổi liên tục trong suốt mùa đông.
B. Chỉ hoạt động ở miền Bắc.
C. Hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã.
D. Tạo nên mùa đông có 2,3 tháng lạnh ở miền Bắc.

Câu 3: Đặc điểm chung của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là:

- A. Có các cánh cung lớn mở ra về phía Bắc và Đông
B. Địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn, hướng Tây bắc – Đông Nam
C. Gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây bắc – Đông nam
D. Gồm các khối núi và các cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Bắc có những vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Nam Trung Bộ.
B. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Tây Nguyên.
C. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
D. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Nam Bộ.

Câu 5: Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất cả nước?

- A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng ven biển miền Trung.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6: Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục?

- A. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa tràn lan trên diện rộng.
B. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và chưa ổn định.
C. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn thấp.
D. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo.

Câu 7: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIA ĐOẠN 2000 - 2015

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
2000	2250,9	1660,9	590,0
2010	5142,7	2414,4	2728,3
2012	5820,7	2705,4	3115,3
2015	6582,1	3049,9	3532,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

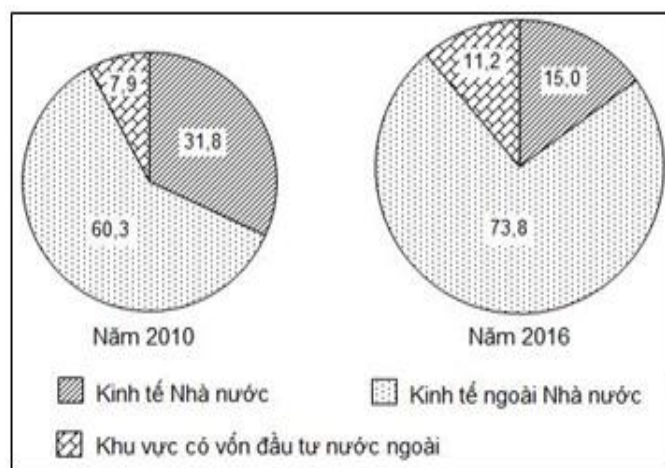
Theo số liệu ở bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2015?

- A.** Tổng sản lượng thủy sản tăng gấp 5,5 lần trong giai đoạn 2000 – 2015.
- B.** Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- C.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh và vượt sản lượng thủy sản khai thác trong giai đoạn 2010 – 2015.
- D.** Sản lượng thủy sản khai thác luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu tổng sản lượng thủy sản của nước ta.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác?

- A.** Nghệ An. **B.** Quảng Bình. **C.** Bình Định. **D.** Bạc Liêu.

Câu 9: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A.** Tốc độ tăng trưởng giá trị doanh thu lãi hành của nước ta phân theo thành phần kinh tế năm 2010 và 2016.
- B.** Cơ cấu doanh thu lãi hành của nước ta phân theo thành phần kinh tế năm 2010 và 2016.
- C.** Quy mô và cơ cấu doanh thu lãi hành của nước ta phân theo thành phần kinh tế năm 2010 và 2016.
- D.** Doanh thu lãi hành của nước ta phân theo thành phần kinh tế năm 2010 và 2016.

Câu 10: Giải pháp quan trọng nhất để phát triển đánh bắt xa bờ ở nước ta:

- A.** Tăng cường tàu thuyền có công suất lớn, trang bị hiện đại.
- B.** Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- C.** Ngăn chặn đánh bắt bằng chất nổ, xung điện, lưới mắc nhỏ.
- D.** Xây dựng và nâng cấp các cảng biển, nhà máy chế biến.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất trên 1000 MW của nước ta hiện nay là:

- A.** Ưng Bí. **B.** Phả Lại. **C.** Ninh Bình. **D.** Na Dương.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 12: Công nghiệp dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là do

- A. cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại.
- B. mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- C. có thị trường tiêu thụ rộng.
- D. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 13: Các tài nguyên biển và hải đảo nước ta phải được khai thác tổng hợp vì

- A. Nhằm khai thác triệt để các nguồn lợi biển và hải đảo làm cơ sở cho sự phát triển các ngành kinh tế biển.
- B. Đảm bảo việc khai thác hợp lí, có hiệu quả đối với các nguồn tài nguyên biển và hải đảo.
- C. Môi trường biển và hải đảo đang bị suy thoái và ô nhiễm nghiêm trọng.
- D. Để giải quyết việc làm, tăng nguồn thu nhập cho lực lượng lao động trong cả nước.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ.
- B. Duyên hải miền Trung.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Nam Bộ.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí, lãnh thổ của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tiếp giáp hai quốc gia, hai vùng kinh tế.
- B. Vị trí thuận lợi cho giao lưu với bên ngoài qua các cửa khẩu.
- C. Tài nguyên thiên nhiên giàu có, đa dạng.
- D. Có diện tích lớn nhất nước ta, nhưng mật độ dân cư không cao.

Câu 16: Định hướng chung trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm tỉ trọng khu vực III, tăng nhanh tỉ trọng khu vực II và khu vực I.
- B. giảm tỉ trọng khu vực II, tăng nhanh tỉ trọng khu vực I và khu vực III.
- C. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng dần tỉ trọng khu vực II và III.
- D. tăng tỉ trọng khu vực I, tăng nhanh tỉ trọng khu vực II và khu vực III.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cơ cấu các ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Thanh Hóa là gì?

- A. Vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, cơ khí, luyện kim màu, chế biến nông sản.
- B. Vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, dệt may, cơ khí, luyện kim đen.
- C. Vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến lương thực thực phẩm, dệt may, chế biến nông sản.
- D. Vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến nông sản, khai thác chế biến lâm sản, sản xuất giấy và xenlulô.

Câu 18: Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là:

- A. Khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi thấp.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

B. Địa hình nhiều đồi núi, mưa lớn và tập trung một mùa.

C. Mưa theo mùa, xói mòn nhiều, địa hình nhiều đồi núi.

D. Khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.

Câu 19: Dãy núi duy nhất ở nước ta có đầy đủ 3 đai cao là

A. Hoàng Liên Sơn. **B.** Ngọc Linh. **C.** Pu Sam Sao. **D.** Trường Sơn Bắc.

Câu 20: Nguyên nhân chính khiến hàng năm ở lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời rất lớn?

A. góc nhập xạ lớn và hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

B. góc nhập xạ lớn và thời gian chiếu sáng kéo dài.

C. góc nhập xạ lớn và kề biển Đông rộng lớn.

D. góc nhập xạ lớn và hoạt động của gió mùa.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

**MẬT ĐỘ DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN SỐ THÀNH THỊ
CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2018**

Quốc gia	Mật độ dân số (người/km ²)	Tỉ lệ dân số thành thị (%)
Cam-pu-chia	89,3	23,0
In-đô-nê-xi-a	144,1	54,7
Xin-ga-po	7908,7	100,0
Thái Lan	134,8	49,2
Việt Nam	283,0	35,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số và tỉ lệ dân số thành thị của một số nước Đông Nam Á năm 2018?

A. Xin-ga-po có mật độ dân số và tỉ lệ dân số thành thị cao nhất.

B. Việt Nam có mật độ dân số và tỉ lệ dân số thành thị thấp nhất.

C. In-đô-nê-xi-a có mật độ dân số và tỉ lệ dân số thành thị thấp hơn Cam-pu-chia.

D. Thái Lan có mật độ dân số thấp hơn Việt Nam và Cam-pu-chia.

Câu 22: Những tỉnh nào ở ven biển nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu?

A. Các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ.

B. Các tỉnh Bắc Trung Bộ.

C. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 23: Tình hình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi những năm gần đây dẫn đến

A. gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.

B. các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.

C. làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

D. tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.

Câu 24: Đâu **không phải** là ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

A. Bảo vệ tài nguyên đất.

B. Hạn chế tác hại của lũ.

C. Phát triển du lịch sinh thái

D. Cung cấp gỗ.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết ở Duyên hải Nam Trung Bộ, các khu kinh tế ven biển nào sau đây được xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Chu Lai, Dung Quất, Nam Phú Yên, Vân Phong, Nhơn Hội.

B. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Vân Phong, Nam Phú Yên.

C. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

D. Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong, Dung Quất.

Câu 26: Tây Nguyên có nguồn thủy năng lớn là do

A. địa hình núi cao và nhiều sông lớn.

B. nhiều sông ngòi và sông có lưu lượng lớn.

C. lượng mưa dồi dào.

D. nền địa chất ổn định.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết cây cao su phân bố chủ yếu ở tỉnh nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

A. Tây Ninh.

B. Bình Phước.

C. Đồng Nai.

D. Bình Dương.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết đồng bằng sông Cửu Long có các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

A. Định An, Năm Căn, Phú Quốc.

B. Định An, Năm Căn, Nhơn Hội.

C. Định An, Năm Căn, Vân Phong.

D. Định An, Năm Căn, Dung Quất.

Câu 29: So với Đồng bằng sông Hồng, thiên nhiên Đồng bằng sông Cửu Long

A. được khai thác sớm hơn.

B. ít thay đổi hơn.

C. có một số vùng vẫn chưa bị tác động nhiều.

D. bị suy thoái nghiêm trọng.

Câu 30: Biện pháp chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta là

A. tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế tốc độ tăng dân số.

B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ.

C. đẩy mạnh hợp tác xuất khẩu lao động.

D. thực hiện các luồng di cư, chuyển một bộ phận dân cư về các vùng nông thôn, miền núi.

Câu 31: Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là do

A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.

B. có nhiều vũng vịnh rộng.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu, ít bị sa bồi.

D. có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

Câu 32: Nguyên nhân chủ yếu làm cho quá trình đô thị hóa hiện nay ở nước ta phát triển là

A. nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường.

B. hội nhập quốc tế và khu vực.

C. quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh.

D. thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.

Câu 33: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp?

A. Tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp thấp, ít chuyển biến.

B. Tăng tỷ trọng của nông nghiệp, giảm tỷ trọng của ngư nghiệp.

C. Giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

D. Giảm tỷ trọng cây lương thực thực phẩm, tăng tỷ trọng cây công nghiệp.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết địa điểm nào sau đây có lượng mưa trung bình năm trên 2800mm/năm?

A. Lạng Sơn. **B.** Hà Nội. **C.** Thừa Thiên – Huế. **D.** TP. Hồ Chí Minh.

Câu 35: Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm gồm 3 nhóm ngành chủ yếu nào sau đây?

A. chế biến sản phẩm trồng trọt, chế biến lâm nghiệp, chế biến sản phẩm chăn nuôi.

B. Chế biến sản phẩm chăn nuôi, điện, chế biến sản phẩm thủy hải sản.

C. Chế biến lâm nghiệp, chế biến sản phẩm thủy hải sản, chế biến sản phẩm trồng trọt.

D. Chế biến sản phẩm chăn nuôi, chế biến sản phẩm thủy hải sản, chế biến sản phẩm trồng trọt.

Câu 36: Căn cứ vào bản đồ công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn?

A. Hà Nội, Hải Phòng.

B. Hải Phòng, Đà Nẵng.

C. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

D. Đà Nẵng, Hà Nội.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du miền núi Bắc Bộ không có chung đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc?

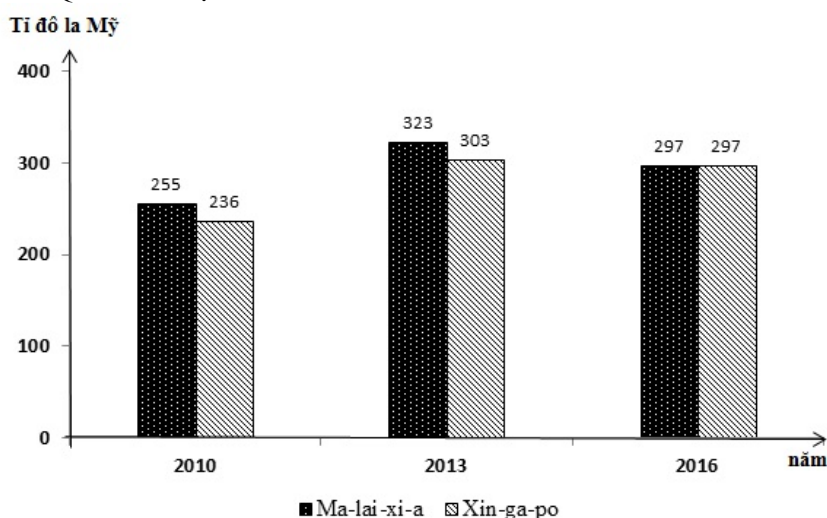
A. Cao Bằng. **B.** Tuyên Quang.

C. Lào Cai.

D. Lạng Sơn.

Câu 38: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 39: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta là

- A. có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á, khu vực nhạy cảm với những biến động chính trị thế giới
- B. tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta cùng chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước.
- D. có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội với các nước láng giềng.

Câu 40: Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng.
- B. đa dạng hóa các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.
- C. tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.
- D. sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.

-----Hết-----

ĐỀ 2

Câu 41. Ba loại rừng nào được sự quản lí của nhà nước về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển, sử dụng?

- A. Rừng giàu, rừng phòng hộ, rừng đặc trưng.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

B. Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

C. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất, rừng nghèo.

D. Rừng sản xuất, rừng đặc trưng, rừng phòng hộ.

Câu 42. Đặc điểm nổi bật nhất của bão ở nước ta là

A. mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.

B. diễn ra suốt năm trên phạm vi cả nước.

C. các cơn bão đều xuất phát từ Biển Đông.

D. chỉ hoạt động ở phía bắc vĩ tuyến 16°B.

Câu 43. Yếu tố tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng nhiều nhất tới hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta?

A. Sạt lở bờ biển **B.** Động đất **C.** Thủy triều **D.** Bão

Câu 44. Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta?

A. Gạo, ngô. **B.** Sữa, bơ. **C.** Hoa quả sấy. **D.** Đường tinh luyện.

Câu 45. Đất ở các đồng bằng Bắc Trung Bộ thuận lợi cho phát triển

A. cây lúa nước. **B.** cây rau đậu.

C. cây công nghiệp hàng năm. **D.** cây công nghiệp lâu năm.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích lớn nhất?

A. Gia Lai. **B.** Bắc Ninh. **C.** Nghệ An. **D.** Quảng Nam.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết các hệ thống sông nào sau đây có lưu vực nằm hoàn toàn trong lãnh thổ nước ta?

A. Sông Mê Công, sông Mã, sông Đà Rằng.

B. Sông Hồng, sông Ki Cùng - Bằng Giang.

C. Sông Mê Công, sông Thái Bình, sông Đồng Nai.

D. Sông Thái Bình, sông Đà Rằng, sông Thu Bồn.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa đông bắc?

A. Tây Bắc bộ. **B.** Đông Bắc Bộ. **C.** Tây Nguyên. **D.** Nam Bộ.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh Phanxipăng thuộc dãy núi nào?

A. Trường Sơn Nam

B. Hoàng Liên Sơn.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Dãy Phu Luông.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Đồn thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. C. Thái Bình. D. Nam Định.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào của Bắc Trung Bộ có sản lượng lúa cao nhất?

A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. An Giang D. Kiên Giang.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim màu?

A. Hưng Yên. B. Việt Trì. C. Thái Nguyên. D. Vinh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ 5 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

A. Hạ Long. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Hải Phòng.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết các tuyến đường bộ theo chiều Đông – Tây của vùng Bắc Trung Bộ?

A. Quốc lộ 7, 8, 9. B. Quốc lộ 7, 14, 15.

C. Quốc lộ 8, 14, 15. D. Quốc lộ 9, 14, 15.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh, thành phố nào?

A. Đà Nẵng. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long?

A. Rạch Giá. B. Cần Thơ. C. Cà Mau. D. Vũng Tàu.

Câu 57. Sự bấp bênh vốn có của nông nghiệp nước ta chủ yếu là do

A. quá trình canh tác đất bị bạc màu. B. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

C. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. lao động nông nghiệp không ổn định.

Câu 58. Khó khăn lớn nhất của ngành bưu chính nước ta hiện nay là

A. mạng lưới phân bố chưa đều, công nghệ lạc hậu.

B. quy trình nghiệp vụ còn mang tính thủ công.

C. thiếu đồng bộ, tốc độ vận chuyển thư tín chậm.

D. thiếu lực lượng lao động có trình độ chuyên môn.

Câu 59. Sự phát triển của nội thương thể hiện rõ rệt qua

A. tổng mức bán lẻ hàng hóa của xã hội.

B. cơ cấu chi tiêu hàng hóa của người dân.

C. cơ cấu hàng hóa bán tại các chợ chính.

D. số lợi nhuận trung bình tại các chợ chính.

Câu 60. Thế mạnh nào sau đây **không** phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Phát triển kinh tế biển và du lịch.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

B. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, ngựa.

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.

D. Khai thác chế biến khoáng sản và thủy điện.

Câu 61. Ven biển Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lý tưởng vì

A. bờ biển có nhiều vụng, đầm phá.

B. bờ biển dài và vùng biển sâu nhất nước ta.

C. nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông nhỏ đổ ra biển.

D. biển nông, không có sông suối đổ ra ngoài biển.

Câu 62. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên chủ yếu là do

A. một mùa mưa và khô rõ rệt.

B. tổng lượng mưa trong năm lớn.

C. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên.

D. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.

Câu 63. Việc phát triển công nghiệp của Đông Nam Bộ gắn liền với việc giải quyết

A. mở rộng thị trường tiêu thụ.

B. nhu cầu nước ngọt trong mùa khô

C. tình trạng ô nhiễm môi trường biển.

D. nhu cầu năng lượng, đặc biệt là điện.

Câu 64. Diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long bị giảm sút nguyên nhân chủ yếu do

A. chặt phá rừng bừa bãi, nuôi tôm.

B. mùa khô kéo dài, cháy rừng.

C. phát triển nông nghiệp, cháy rừng.

D. quá trình đô thị hóa nhanh.

Câu 65. Ý nghĩa chính trị quan trọng nhất của việc phát triển đánh bắt xa bờ là

A. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản.

B. gia tăng sản lượng hải sản cho xuất khẩu.

C. bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa.

D. nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng nhất nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007:

A. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in-văn phòng phẩm tăng liên tục.

B. Giá trị sản xuất dệt may giảm, da giày tăng, giấy in, văn phòng phẩm.

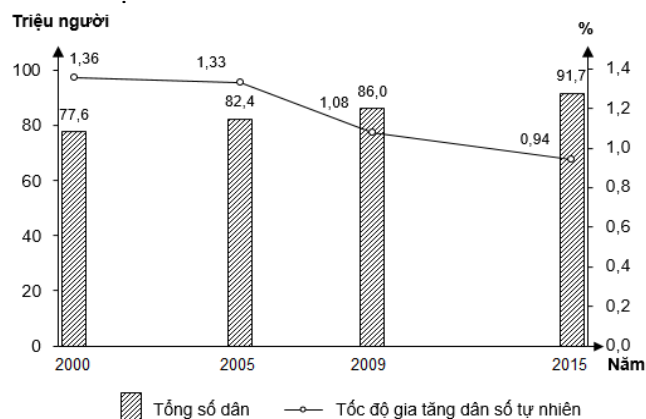
C. Giá trị sản xuất da giày giảm, dệt may-giấy-in-văn phòng phẩm.

D. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in-văn phòng phẩm giảm liên tục.

Câu 67. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình dân số nước ta, giai đoạn 2000 - 2015?

- A. Tổng số dân giảm, tốc độ gia tăng dân số tự nhiên tăng.
- B. Tổng số dân tăng, tốc độ gia tăng dân số tự nhiên giảm.
- C. Tổng số dân và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên đều tăng.
- D. Tổng số dân và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên đều giảm.

Câu 68. Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	Xin-ga-po	Việt Nam
Xuất khẩu	210,1	272,9	516,7	173,3
Nhập khẩu	187,4	228,2	438,0	181,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2015?

- A. Việt Nam là nước nhập siêu.
- B. Ma-lai-xi-a là nước nhập siêu.
- C. Thái Lan xuất siêu nhiều hơn Xin-ga-po.
- D. Ma-lai-xi-a nhập siêu nhiều hơn Thái Lan.

Câu 69. Nguyên nhân nào tạo ra tính chất gió mùa của khí hậu nước ta?

- A. Gió Mậu Dịch bán cầu Bắc hoạt động xen kẽ quanh năm.
- B. Ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa.
- C. Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới từ tháng 5 đến tháng 10.
- D. Nằm trong vùng nội chí tuyến, ảnh hưởng sâu sắc của biển.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 70. Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?

- A. Làm tăng độ ẩm không khí trên 80%.
- B. Mang lại lượng mưa trung bình năm lớn.
- C. Làm giảm độ lục địa ở phía Tây đất nước.
- D. Làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

Câu 71. Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc nước ta vào đầu mùa đông là

- A. lạnh và ẩm.
- B. lạnh khô và trời nhiều mây.
- C. nóng và khô.
- D. Nóng và mưa nhiều.

Câu 72. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta có xu hướng giảm là do

- A. quy mô dân số nước ta giảm dần.
- B. dân số đông có xu hướng già hóa.
- C. các biện pháp kế hoạch hóa dân số.
- D. chất lượng cuộc sống chưa nâng cao.

Câu 73. Quá trình phân công lao động xã hội nước ta còn chậm chuyển biến nguyên nhân chủ yếu do

- A. kinh tế còn chậm phát triển.
- B. cơ cấu lao động chưa hợp lý.
- C. lao động chủ yếu trong nông nghiệp.
- D. phần lớn lao động có thu nhập thấp.

Câu 74. Ở nước ta đô thị phân bố không đều giữa các vùng nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về

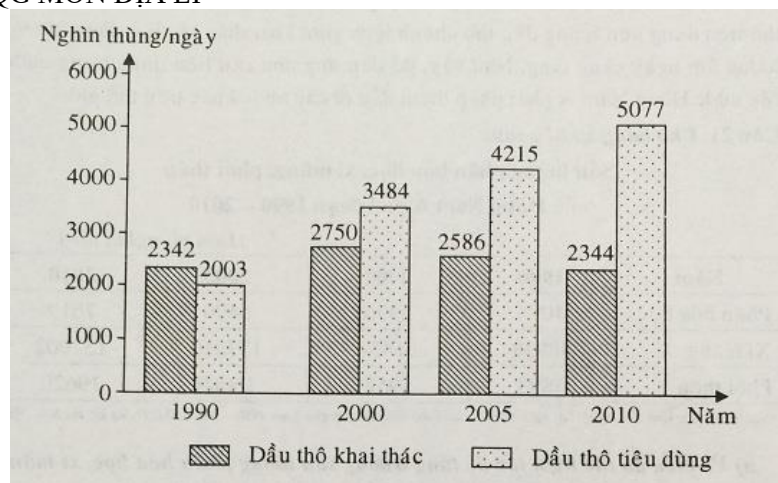
- A. điều kiện tự nhiên và văn hóa.
- B. vị trí địa lý và quy mô dân số.
- C. trình độ phát triển kinh tế xã hội.
- D. chính sách phát triển kinh tế xã hội.

Câu 75. Việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.
- B. Phát triển kinh tế và giải quyết việc làm.
- C. Hội nhập quốc tế và giải quyết việc làm.
- D. Nâng cao đời sống và bảo vệ môi trường.

Câu 76. Cho biểu đồ về dầu thô khai thác và dầu thô tiêu dùng của Đông Nam Á giai đoạn 1990 – 2010.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2011, NXB Thống kê, 2012)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản xuất dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng của Đông Nam Á giai đoạn 1990 – 2010.
- B. Sản lượng dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng của Đông Nam Á giai đoạn 1990 – 2010.
- C. Quy mô và cơ cấu sản xuất dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng của Đông Nam Á giai đoạn 1990 – 2010.
- D. Tốc độ tăng trưởng dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng của Đông Nam Á giai đoạn 1990 – 2010.

Câu 77. Phát biểu nào sau đây đúng nhất về tác động của những khối núi cao trên 2000m đến thiên nhiên nước ta?

- A. Phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới.
- B. Làm biến đổi cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới.
- C. Tác động đến cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới.
- D. Làm phong phú cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới.

Câu 78. Đất feralit ở nước ta là loại đất thích hợp nhất để phát triển

- A. cây lương thực, cây rau đậu.
- B. cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.
- C. cây thực phẩm, cây công nghiệp lâu năm.
- D. cây công nghiệp hàng năm và cây thực phẩm.

Câu 79. Sự hiện diện của dãy Trường Sơn làm cho vùng Bắc Trung Bộ

- A. có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi.
- B. có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió Lào.
- C. chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác.
- D. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di cư đến.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

Năm	2005	2008	2010	2012	2015
Thành thị	22,3	24,7	26,5	28,3	31,1
Nông thôn	60,1	60,4	60,4	60,5	60,6

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta, giai đoạn 2005 - 2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Tròn. C. Miền. D. Đường.

----- HẾT -----

ĐỀ 3

Câu 1. Vị trí địa lí nội chí tuyến của bán cầu Bắc quy định thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nào sau đây?

- A. Tính gió mùa B. Tính cận xích đạo.
C. Tính ẩm. D. Tính chất nhiệt đới.

Câu 2. Địa hình hướng tây bắc – đông nam thể hiện rõ rệt ở vùng núi nào của nước ta?

- A. Tây Bắc, Đông Bắc. B. Tây Bắc, Trường Sơn Bắc.
C. Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam. D. Tây Bắc, Trường Sơn Nam.

Câu 3. Hướng địa hình chủ yếu của vùng núi Đông Bắc là

- A. tây – đông. B. vòng cung.
C. tây bắc – đông nam. D. bắc – nam.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về vai trò của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm đối với nền kinh tế nước ta?

- A. Thúc đẩy nông nghiệp, thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.
B. Tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực và tích lũy vốn cho nền kinh tế.
C. Tăng chất lượng và giá trị các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản.
D. Tác động mạnh mẽ đến sự phát triển tất cả các ngành kinh tế khác

Câu 5. Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông là do

- A. mưa nhiều làm đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi.
B. biển đóng vai trò chủ yếu tạo nên đồng bằng.
C. các sông thường ngắn, dốc và rất nghèo phù sa
D. đồng bằng sát chân núi nên có nhiều sỏi, cát.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, hãy cho biết thành phố nào sau đây **không phải** là thành phố trực thuộc Trung ương ?

- A. Hải Phòng. B. Huế.
C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất?

- A.** Sông Hồng. **B.** Sông Mê Công.
C. Sông Đồng Nai. **D.** Sông Cà.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết vườn quốc gia nào dưới đây nằm trên đảo (quần đảo)?

- A.** Ba Vì. **B.** Xuân Thủy.
C. Phú Quốc. **D.** Cúc Phương.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta?

- A.** Đất feralit trên đá badan.
B. Đất fealit trên các loại đá khác.
C. Đất phù sa sông.
D. Đất phèn.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác?

- A.** Nghệ An. **B.** Quảng Bình.
C. Bình Định. **D.** Bạc Liêu.

Câu 11. Căn cứ vào bản đồ công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không có chế biến thủy hải sản?

- A.** Hải Phòng. **B.** Cần Thơ.
C. Thủ Dầu **D.** Hạ Long.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh/ thành phố nào sau đây có giá trị xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu?

- A.** Hà Nội. **B.** Hải Phòng.
C. Đồng Nai. **D.** Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tuyến đường nào nối trung tâm công nghiệp Vinh với cửa khẩu Nậm Cắn?

- A.** Quốc lộ 7. **B.** Quốc lộ 8.
C. Đường Hồ Chí Minh. **D.** Quốc lộ 9.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết đồng bằng sông Cửu Long có các loại khoáng sản nào sau đây?

- A.** Đá axít, đá vôi xi măng, than bùn. **B.** Đá axít, đá vôi xi măng, bôxit.
C. Đá axít, đá vôi xi măng, than đá. **D.** Đá axít, đá vôi xi măng, than nâu.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết cây cao su phân bố chủ yếu ở tỉnh nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A.** Tây Ninh. **B.** Bình Phước. **C.** Đồng Nai. **D.** Bình Dương.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết, tỉnh nào sau đây tiếp giáp Lào và Campuchia?

- A.** Gia Lai. **B.** Kon Tum. **C.** Đắk Lắk. **D.** Đắk Nông.

Câu 17. Điều kiện kinh tế - xã hội nào sau đây thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp ở nước ta?

- A.** Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, có cả cận nhiệt, cận xích đạo.
B. Có nhiều loại đất thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. Có mạng lưới các cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp.

D. Có nhiều giống cây công nghiệp thích hợp với điều kiện sinh thái.

Câu 18. Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động công nghiệp nhờ :

A. Có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước.

B. Giàu có nhất nước về nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. Khai thác một cách có hiệu quả các thế mạnh vốn có.

D. Có dân số đông, lao động dồi dào và có trình độ tay nghề cao.

Câu 19. Trở ngại chính đối với việc xây dựng và khai thác hệ thống giao thông đường bộ nước ta là

A. khí hậu và thời tiết thất thường.

B. phần lớn lãnh thổ là địa hình đồi núi.

C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.

D. thiếu vốn và cán bộ kỹ thuật cao.

Câu 20. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

B. đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và công nghệ cao.

C. thị trường tiêu thụ nhỏ hẹp.

D. thiết bị, máy móc, phương tiện khai thác thiếu.

Câu 21. Tại sao việc làm là một trong những vấn đề nan giải ở Đồng bằng sông Hồng nhất là ở khu vực thành thị?

A. Do dân nhập cư đông.

B. Do dân số đông, kết cấu dân số trẻ.

C. Do nền kinh tế còn chậm phát triển.

D. Do dân số đông, kết cấu dân số trẻ trong điều kiện kinh tế chậm phát triển.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Có nhiều bãi biển nổi tiếng.

B. Nha Trang là trung tâm du lịch lớn của nước ta.

C. Phát triển du lịch biển không gắn với du lịch đảo.

D. Các hoạt động du lịch đa dạng.

Câu 23. Khó khăn lớn nhất về khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của Tây Nguyên là

A. sự phân hóa theo mùa của khí hậu.

B. sự phân hóa theo độ cao của khí hậu.

C. hiện tượng khô nóng diễn ra quanh năm.

D. khí hậu diễn biến thất thường.

Câu 24. Phát biểu nào **không đúng** đối với việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

A. Hạn chế việc đánh bắt xa bờ để tránh thiệt hại do bão gây ra.

B. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.

C. Tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.

D. Cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính hủy diệt cao.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

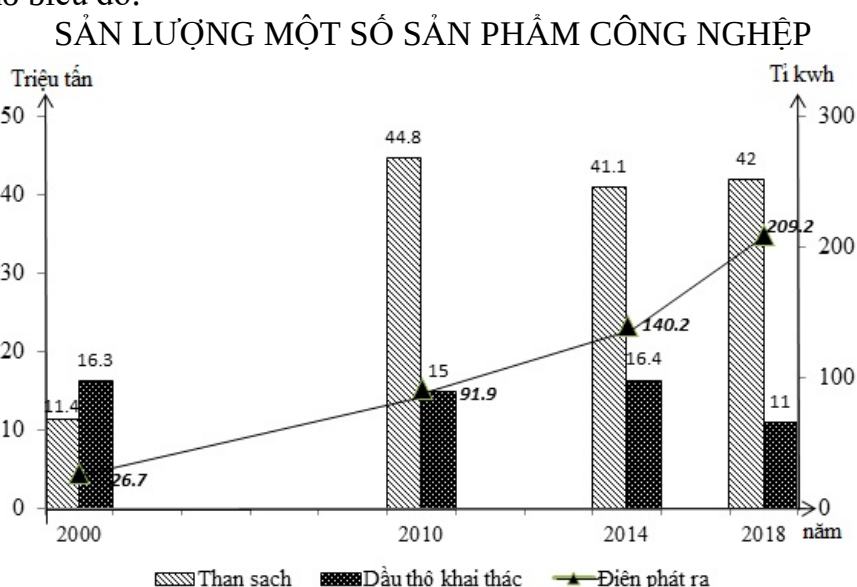
Câu 25. Ngành giao thông vận tải đường sông nước ta có tốc độ phát triển còn chậm là do

- A. sự thất thường về chế độ nước theo mùa.
- B. sự thay đổi thất thường về luồng lạch.
- C. phương tiện vận tải hạn chế.
- D. nguồn hàng cho vận tải ít.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết phát biểu nào sau đây **không đúng** về phân bố các dân tộc Việt Nam ?

- A. Dân tộc Kinh tập trung đông đúc ở trung du và ở ven biển.
- B. Các dân tộc ít người phía bắc tập trung chủ yếu ở miền núi.
- C. Dân tộc Tày, Thái, Nùng phân bố nhiều ở miền núi phía Bắc.
- D. Dân tộc Ba- na, Xu đăng, Chăm phân bố chủ yếu ở Nam Trung Bộ.

Câu 27. Cho biểu đồ:



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng của một số sản phẩm ngành công nghiệp năng lượng giai đoạn 2000 - 2018?

- A. Sản lượng than sạch tăng nhanh và liên tục qua các năm.
- B. Sản lượng dầu thô khai thác giảm liên tục qua các năm.
- C. Sản lượng điện tăng liên tục và tăng nhanh qua các năm
- D. Sản lượng các sản phẩm đều tăng liên tục qua các năm

Câu 28. Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á
PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015**

Đơn vị: %

Nước Khu vực	Việt Nam	Xingapo	Thái Lan	Campuchia
Nông – lâm – ngư nghiệp	17	0	9,1	28,3
Công nghiệp – xây dựng	33,3	26,4	35,8	29,4
Dịch vụ	39,7	73,6	55,2	42,3

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Trong cơ cấu kinh tế, có sự phân hóa rõ rệt giữa các nước trong khu vực

B. Trong cơ cấu kinh tế, không có sự phân hóa giữa các nước trong khu vực

C. Trong cơ cấu kinh tế, có sự phân hóa giữa các nước trong khu vực

D. Trong cơ cấu kinh tế, không có sự phân hóa rõ rệt giữa các nước trong khu vực

Câu 29. Thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa cuối mùa đông ở miền Bắc nước ta là do

A. gió mùa mùa đông bị suy yếu.

B. gió mùa mùa đông di chuyển trên quãng đường xa trước khi ảnh hưởng đến nước ta.

C. ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ.

D. khối khí lạnh di chuyển qua biển.

Câu 30. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

A. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.

B. tính chất nhiệt đới giảm dần.

C. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.

D. đồng bằng mở rộng hơn.

Câu 31. Các hoạt động khai thác cát ở các con sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long khiến cho vấn đề nào dưới đây ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn?

A. Xâm nhập mặn. **B.** Xói lở bờ biển. **C.** Ngập lụt. **D.** Triều cường.

Câu 32. Tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi những năm gần đây dẫn đến

A. gia tăng sự mất cân đối tỉ số giới tính giữa các vùng ở nước ta.

B. các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.

C. làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.

D. tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.

Câu 33. Phương hướng trước tiên làm cho lao động trẻ nước ta sớm trở thành một nguồn lao động có chất lượng là

A. mở rộng các ngành nghề thủ công mỹ nghệ.

B. tổ chức hướng nghiệp chu đáo.

C. có kế hoạch giáo dục và đào tạo hợp lí.

D. lập nhiều cơ sở giới thiệu việc làm.

Câu 34. Để giảm tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

A. phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị.

B. xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.

C. hạn chế sự gia tăng dân số cả ở nông thôn và đô thị.

D. xoá đói giảm nghèo ở nông thôn, công nghiệp hoá nông thôn.

Câu 35. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng.

B. đa dạng hóa các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.

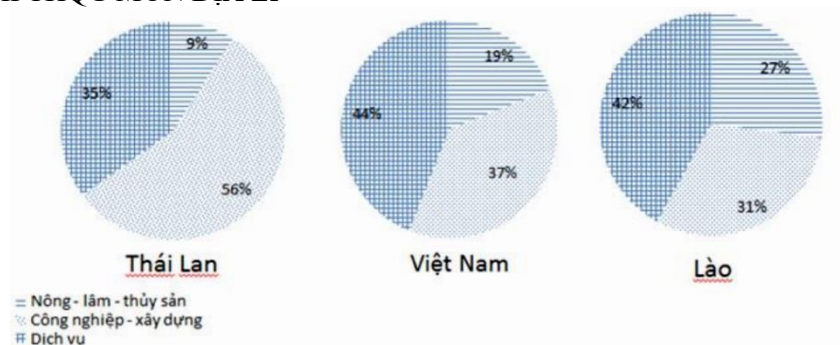
C. tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.

D. sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.

Câu 36. Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2015

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của một số nước năm 2015 ?

- A. Tỷ trọng khu vực dịch vụ của Thái Lan cao hơn Việt Nam.
- B. Tỷ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản của Việt Nam cao hơn Lào.
- C. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng của Thái Lan cao nhất.
- D. Tỷ trọng khu vực dịch vụ của Lào cao nhất trong ba nước.

Câu 37. Việc khai thác, sử dụng hợp lý miền đồi núi không chỉ giúp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của miền này, mà còn có tác dụng bảo vệ sinh thái cho cả vùng đồng bằng bởi

- A. miền núi nước ta giàu tài nguyên khoáng sản.
- B. phù sa của các con sông lớn mang vật liệu từ miền đồi núi bồi đắp cho vùng đồng bằng.
- C. nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển làm thu hẹp, chia cắt dải đồng bằng ven biển.
- D. giữa địa hình đồi núi và đồng bằng có mối quan hệ chặt chẽ về mặt phát sinh và các quá trình tự nhiên hiện đại.

Câu 38. Sự hình thành ba đai cao trước hết là do sự thay đổi theo độ cao của:

- A. Khí hậu.
- B. Sinh vật.
- C. Đất đai.
- D. Lượng mưa.

Câu 39. Ảnh hưởng lớn nhất của biển Đông đến khí hậu nước ta là

- A. làm cho khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng.
- B. đem lại một mùa đông lạnh ở miền Bắc.
- C. cây cối sinh trưởng nhanh, xanh tốt quanh năm.
- D. mang lại lượng mưa và độ ẩm lớn, điều hòa khí hậu.

Câu 40. Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: người)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
Tổng số	49048,5	51422,4	52744,5	53302,8	54249,4
Kinh tế nhà nước	5017,4	4991,4	4866,8	4698,6	4523,1
Kinh tế ngoài nhà nước	42304,6	44192,9	45025,1	45016,1	45187,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1726,5	2238,1	2852,6	3588,1	4538,4

Nguồn: tổng cục thống kê việt nam 2017: <https://www.gso.gov.vn>

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo các thành phần kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Tròn **B.** Kết hợp. **C.** Miền. **D.** Đường.

ĐỀ 4

Câu 41. Biểu hiện nào cho thấy tài nguyên rừng hiện nay của nước ta bị suy giảm?

- A.** Diện tích rừng tự nhiên còn ít. **B.** Diện tích rừng ngày càng giảm.
C. Độ che phủ rừng giảm rất nhanh. **D.** Chủ yếu là rừng non mới phục hồi.

Câu 42. Vùng có hoạt động động đất mạnh nhất của nước ta là

- A.** Tây Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Nam Bộ. **D.** Nam Trung Bộ.

Câu 43. Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là

- A.** bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
B. vùng biển có nguồn lợi hải sản khá phong phú.
C. thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng.
D. có nhiều khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 44. Vùng có sản lượng khai thác và xuất khẩu dầu thô lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

- A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Duyên hải miền Trung.

Câu 45. Độ che phủ rừng của Bắc Trung Bộ chỉ đứng sau

- A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

- A.** Quảng Ninh. **B.** Sơn La. **C.** Lào Cai. **D.** Lạng Sơn.

Câu 47 : Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào?

- A.** Tháng 6. **B.** Tháng 7. **C.** Tháng 8. **D.** Tháng 9.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A.** tháng VIII. **B.** tháng IX. **C.** tháng X. **D.** tháng XI.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cao nguyên nào sau đây nằm xa nhất về phía Nam của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Mộc Châu. B. Sơn La. C. Sín Chải. D. Tà Phình.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ ?

- A. Tây Trang. B. Xa Mát. C. Lào Bảo. D. Cầu Treo.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

- A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng.
C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng. D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối cửa khẩu quốc tế Lào Bảo với Đông Hà?

- A. Quốc lộ 6. B. Quốc lộ 7 C. Quốc lộ 8. D. Quốc lộ 9.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tuyến quốc lộ theo hướng Đông – Tây nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Quốc lộ 6. B. Quốc lộ 7. C. Quốc lộ 8. D. Quốc lộ 9.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết các cảng biển nào sau đây thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang. B. Đà Nẵng, Vũng Tàu.
C. Dung Quất, Chân Mây. D. Phan Thiết, Chân Mây.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào **không** nằm ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. Biên Hòa. D. Tân An.

Câu 57. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự phân hóa mùa vụ trong nông nghiệp ở nước ta?

- A. Sự phân hóa khí hậu. B. Sự phân hóa đất đai.
C. Độ cao địa hình khác nhau. D. Hệ thống sông khác nhau.

Câu 58. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về quốc lộ 1 ?

- A. Chạy từ cửa khẩu Hữu Nghị đến Năm Căn.
B. Theo hướng bắc - nam, chủ yếu ở đồng bằng, ven biển.
C. Nối 6 vùng kinh tế và hầu hết các trung tâm kinh tế lớn.
D. Có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế - xã hội phía Tây đất nước.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 59. Chuyển biến cơ bản của ngoại thương về mặt quy mô xuất khẩu là:

- A. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục.
- B. Có nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực.
- C. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.
- D. Có nhiều bạn hàng lớn như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.

Câu 60. So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc có:

- A. trữ năng thủy điện lớn hơn.
- B. nhiều trung tâm công nghiệp hơn.
- C. cơ sở vật chất hạ tầng tốt hơn
- D. tài nguyên khoáng sản phong phú hơn.

Câu 61. Giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp tập trung ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. phát triển khoa học công nghệ.
- B. thu hút các nguồn vốn đầu tư.
- C. mở rộng các thị trường xuất khẩu.
- D. nâng cao trình độ người lao động.

Câu 62. Điều quan tâm nhất khi mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. xây dựng mạng lưới giao thông.
- B. tăng cường hợp tác nước ngoài.
- C. không làm thu hẹp diện tích rừng.
- D. đầu tư cho công nghiệp chế biến.

Câu 63. Giải pháp chủ yếu trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- B. bón phân cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- C. áp dụng kỹ thuật canh tác mới, thay đổi giống.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn đất.

Câu 64. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng xâm nhập mặn diễn ra hàng năm ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- B. phá rừng ngập mặn để nuôi tôm.

- C. nhiều hệ sinh thái rừng ngập mặn.
- D. khí hậu mùa khô kéo dài sâu sắc.

Câu 65: Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo dù nhỏ nhưng lại có ý nghĩa lớn về kinh tế vì các hòn đảo là

- A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.
- B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.
- C. khẳng định chủ quyền ở vùng biển và thềm lục địa.
- D. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta.

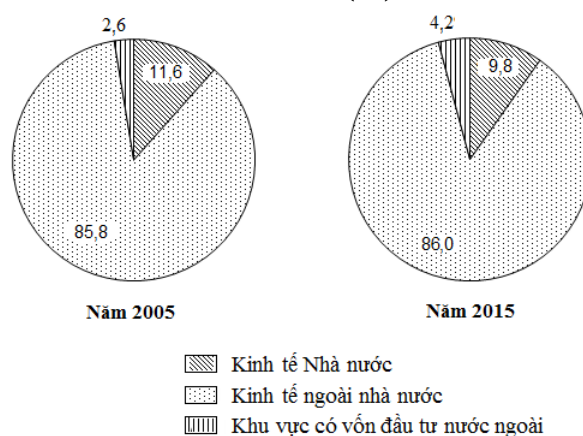
BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 66. Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất hiện nay là

- A. Điện tuốc bin khí. B. Thủy điện.
C. Nhiệt điện chạy than, dầu. C. Điện nguyên tử.

Câu 67. Cho biểu đồ:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA (%)



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2005 - 2015?

- A. Kinh tế Nhà nước tăng, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
B. Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm, kinh tế Nhà nước tăng.
D. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

Câu 68. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2013	2014	2016
Thái Lan	341105	420529	406522	407026
Xin-ga-po	263422	302511	308143	296976
Việt Nam	115850	171192	156151	205305

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng khi so sánh tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế của một số quốc gia, giai đoạn 2010-2016?

- A. Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam. B. Thái Lan tăng nhanh hơn Xin-ga-po.
C. Xin-ga-po tăng chậm hơn Thái Lan. D. Xin-ga-po tăng nhanh hơn Việt Nam.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 69. Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì giữa và cuối mùa hạ là do ảnh hưởng của

- A.** gió mùa Tây Nam.
- B.** dải hội tụ nhiệt đới.
- C.** tín phong bán cầu Bắc.
- D.** khối khí Bắc Ấn Độ Dương.

Câu 70. Nguyên nhân nào sau đây gây nên thời tiết lạnh ẩm, mưa phùn nửa cuối mùa đông ở vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ ?

- A.** Tín phong Bắc bán cầu hoạt động mạnh lên.
- B.** Biển Đông đã mang lại cho vùng lượng ẩm lớn.
- C.** Áp thấp Bắc Bộ làm đổi hướng gió mùa Tây Nam.
- D.** Gió mùa Đông Bắc di chuyển qua biển bị biến tính.

Câu 71. Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ là do

- A.** càng về nam càng xa chí tuyến bắc bán cầu.
- B.** gió tây nam nguồn gốc nam bán cầu suy yếu dần.
- C.** sự lùi dần mùa mưa nói chung từ Bắc Bộ đến Trung Bộ.
- D.** sự lùi dần về vị trí trung bình của dải hội tụ nội chí tuyến.

Câu 72. Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ trọng dân số thành thị nước ta ngày càng tăng là

- A.** phân bố lại dân cư giữa các vùng.
- B.** đời sống nhân dân thành thị nâng cao.
- C.** quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- D.** ngành nông – lâm – ngư nghiệp phát triển.

Câu 73. Hướng giải quyết việc làm cho người lao động nước ta nào sau đây chủ yếu tập trung vào người lao động?

- A.** Mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu.
- B.** Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
- C.** Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.
- D.** Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 74. Phát biểu nào sau đây thể hiện tác động tích cực của quá trình đô thị hóa tới kinh tế nước ta?

- A.** Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật không đảm bảo.
- C.** Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D.** An ninh trật tự xã hội diễn biến phức tạp.

Câu 75. Việc phát huy thế mạnh của từng vùng đã dẫn tới

- A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành ngành viễn thông.

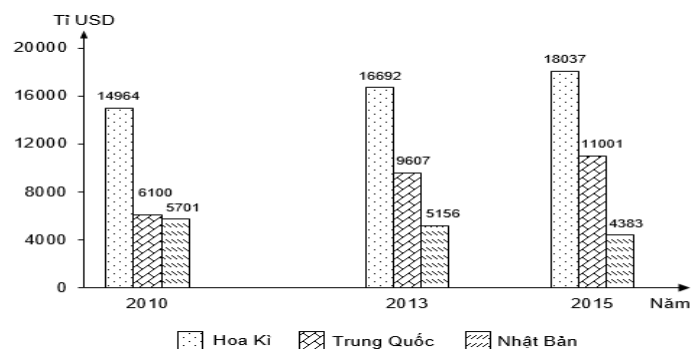
BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

B. hình thành vùng kinh tế trọng điểm và dịch vụ tư vấn đầu tư.

C. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng.

D. phân hóa sản xuất giữa các vùng và hình thành vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 76. Cho biểu đồ về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia, giai đoạn 2010 – 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia.

B. Qui mô giá trị tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia.

C. Sự chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia.

D. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia.

Câu 77. Dải hội tụ nhiệt đới chạy theo hướng kinh tuyến vào đầu mùa hạ ở nước ta nằm giữa hai khối khí

A. Bắc Ấn Độ Dương và Tây Thái Bình Dương.

B. Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

C. Chí tuyến bán cầu Nam và Bắc Ấn Độ Dương.

D. Tây Thái Bình Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 78. Ở nước ta, thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

A. Mùa đông lạnh và ẩm hơn.

B. Mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Lào.

C. Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp.

D. Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

Câu 79: Đồng bằng ven biển ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm nào dưới đây?

A. Mở rộng về phía Nam.

B. Thu hẹp dần về phía Nam.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. Kéo dài liên tục theo chiều Bắc - Nam. D. Phân bố xen kẽ các cao nguyên đá vôi.

Câu 80. Cho BSL: DIỆN TÍCH VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÂY LƯƠNG THỰC CỦA VIỆT NAM

Năm	Diện tích cây lương thực (nghìn ha)		Giá trị sản xuất cây lương thực (nghìn tỉ đồng)
	Lúa gạo	Cây lương thực khác	
1990	6 043	434	33,3
2000	7 666	733	55,2
2005	7 329	1 054	63,4
2014	7 816	1 178	80,3

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện diện tích và giá trị sản xuất cây lương thực của nước ta, giai đoạn 1990 - 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Cột.

----- HẾT -----

ĐỀ 5

Câu 41. Hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc loại rừng

A. sản xuất B. đặc dụng
C. phòng hộ D. ven biển

Câu 42. Thiên tai nào dưới đây không xảy ra ở vùng núi Tây Bắc nước ta?

A. Rét hại. B. Lũ quét.
C. Trượt lở đất. D. Triều cường

Câu 43. Vùng nào sau đây nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh nhất cả nước?

A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 44. Các sản phẩm nào sau đây không thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở nước ta?

A. Gạo, ngô. B. Sữa, bơ.
C. Hoa quả sấy. D. Đường tinh luyện.

Câu 45: Độ che phủ rừng của Bắc Trung Bộ chỉ đứng sau

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 và 5, cho biết đường bờ biển Việt Nam kéo dài từ đâu đến đâu?

A. Móng Cái - Hà Tiên

B. Quảng Ninh - Cà Mau.

C. Móng Cái - mũi Cà Mau.

D. Hải Phòng - Kiên Giang.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông Hồng?

A. Sông Gâm.

B. Sông Chảy.

C. Sông Mã.

D. Sông Lô.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam ?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Bắc Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Nam Bộ.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

A. Ngân Sơn.

B. Hoàng Liên Sơn.

C. Pu Đen Đinh

D. Trường Sơn Bắc

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An.

B. Hà Tĩnh.

C. Quảng Bình.

D. Quảng Trị.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, nêu ba tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng lúa nước ta?

A. An Giang, Long An, Sóc Trăng.

B. An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp.

C. Kiên Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang.

D. An Giang, Kiên Giang, Long An.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây không xuất hiện trong cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

A. Cơ khí.

B. Điện tử.

C. Luyện kim màu.

D. Sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, các cảng biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam của nước ta là:

A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cửa Lò, Cam Ranh, Quy Nhơn, Sài Gòn.

B. Hải Phòng, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Cửa Lò, Cam Ranh, Sài Gòn.

C. Hải Phòng, Cửa Lò, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh, Sài Gòn.

D. Hải Phòng, Cam Ranh, Đà Nẵng, Cửa Lò, Quy Nhơn, Sài Gòn

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 9 chạy qua tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Trị.

B. Thanh Hóa

C. Quảng Bình

D. Nghệ An

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ
đây?

A. Bình Định. **B.** Phú Yên. **C.** Quảng Nam **D.** Quảng Ngãi.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhà máy thủy điện Cần Đơn thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Tây Ninh. **B.** Bình Phước. **C.** Đồng Nai. **D.** Bình Dương.

Câu 57. Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp lúa nước, đẩy mạnh tăng vụ là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **B.** Khí hậu phân hóa theo độ cao.
C. Khí hậu có nền nhiệt ẩm cao. **D.** Có diện tích đất feralit rất lớn.

Câu 58. Đâu không phải là điều kiện thuận lợi chủ yếu đối với phát triển ngành giao thông vận tải đường biển ở nước ta?

A. Đường bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh rộng, kín gió
B. Có nhiều đảo và quần đảo ven bờ.
C. Vùng biển nước ta nằm trên đường hàng hải quốc tế.
D. Có các dòng biển đổi hướng theo mùa

Câu 59. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành nội thương của nước ta?

A. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa
C. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.
D. Hàng hóa phong phú, đa dạng.

Câu 60: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho chăn nuôi lợn hiện nay được phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

A. cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt hơn.
B. đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
C. cơ sở vật chất kĩ thuật và giống đảm bảo hơn.
D. các cơ sở công nghiệp chế biến thực phẩm phát triển.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động khai thác thế mạnh về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
B. Biển nhiều tôm, cá và các hải sản khác
C. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.
D. Đánh bắt được nhiều loại cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích...

Câu 62: Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã đem lại ý

nghĩa quan trọng nào sau đây về mặt kinh tế?

A. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các loại nông sản.
B. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo sự an toàn cân bằng sinh thái.
C. Góp phần điều chỉnh sự phân bố dân cư và lao động trên địa bàn cả nước

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

D. Thu hút lao động tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc

Câu 63. Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là:

- A.** Phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn
- B.** xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia
- C.** bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.
- D.** bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.

Câu 64. Để cải tạo đất phèn, đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, cần phải

- A.** có nước ngọt để thau chua, rửa mặn.
- B.** tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
- C.** duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
- D.** chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

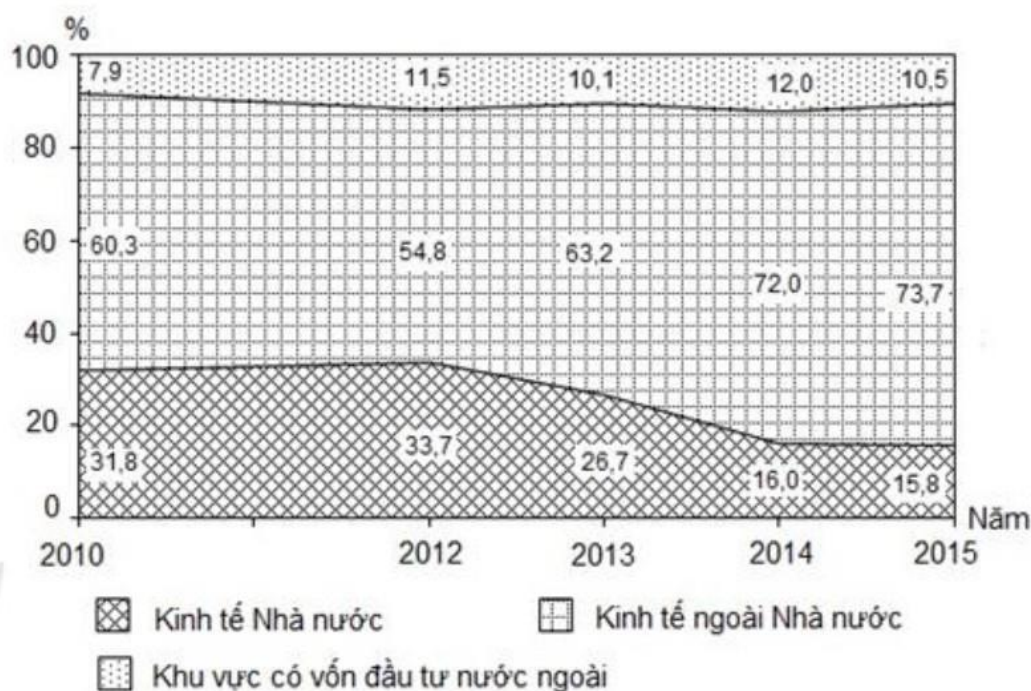
Câu 65. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A.** Căn cứ để tiến ra biển trong thời đại mới.
- B.** cơ sở để khẳng định chủ quyền vùng biển.
- C.** nơi tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.
- D.** hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A.** Ti trọng rất nhỏ trong ngành công nghiệp.
- B.** Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.
- C.** Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng
- D.** Tập trung dày đặc nhất ven biển miền Trung.

Câu 67. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DOANH THU DỊCH VỤ LỬ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu doanh thu dịch vụ lõi hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Kinh tế Nhà nước giảm, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- B. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- C. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, kinh tế Nhà nước tăng.

Câu 68. Cho bảng số liệu

DIỆN TÍCH CAO SU CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI
(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1985	1995	2013
Đông Nam Á	3,4	4,9	9,0
Thế giới	4,2	6,3	12,0

(Nguồn: Bài tập trắc nghiệm Địa lí 11, NXB Giáo dục, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về diện tích cây cao su ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Diện tích cây cao su ở Đông Nam Á có xu hướng tăng liên tục
- B. Tốc độ gia tăng diện tích cây cao su ở Đông Nam Á chậm so với của thế giới.
- C. Tốc độ gia tăng diện tích cây cao su ở Đông Nam Á nhanh hơn so với thế giới.
- D. Luôn chiếm trên 50% diện tích toàn thế giới.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 69. Biểu hiện nào sau đây không chứng minh địa hình của nước ta là địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A.** Địa hình có tính chất già.
- B.** Cường độ phong hóa, xâm thực, bào mòn, rửa trôi trên đất đá, sườn dốc rất lớn.
- C.** Quá trình bồi tụ ở hạ lưu sông diễn ra nhanh.
- D.** Tốc độ hòa tan và phá hủy đá vôi diễn ra nhanh, hình thành địa hình Caxtơ với các hang động

Câu 70. Điểm nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta?

- A.** Có nhiều loài cây gỗ quý.
- B.** Cho năng suất sinh vật cao.
- C.** Giàu tài nguyên động vật.
- D.** Phân bố ở ven biển.

Câu 71: Những nhân tố chủ yếu nào tạo nên sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta?

- A.** Địa hình, gió mùa, dòng biển
- B.** Vị trí địa lí, địa hình, dòng biển.
- C.** Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ, địa hình, gió mùa.
- D.** Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ, địa hình, bề mặt đệm.

Câu 72: Dân số nước ta có nhiều thành phần dân tộc không tạo ra thuận lợi nào sau đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A.** Đời sống tinh thần của người dân phong phú.
- B.** Tạo tài nguyên nhân văn phát triển du lịch.
- C.** Kinh nghiệm sản xuất phong phú.
- D.** Nguồn lao động dồi dào.

Câu 73. Năng suất lao động xã hội của nước ta còn thấp chủ yếu là do

- A.** Cơ sở hạ tầng còn hạn chế
- B.** Phân bố lao động không đều
- C.** Cơ cấu kinh tế chậm thay đổi
- D.** Trình độ lao động chưa cao.

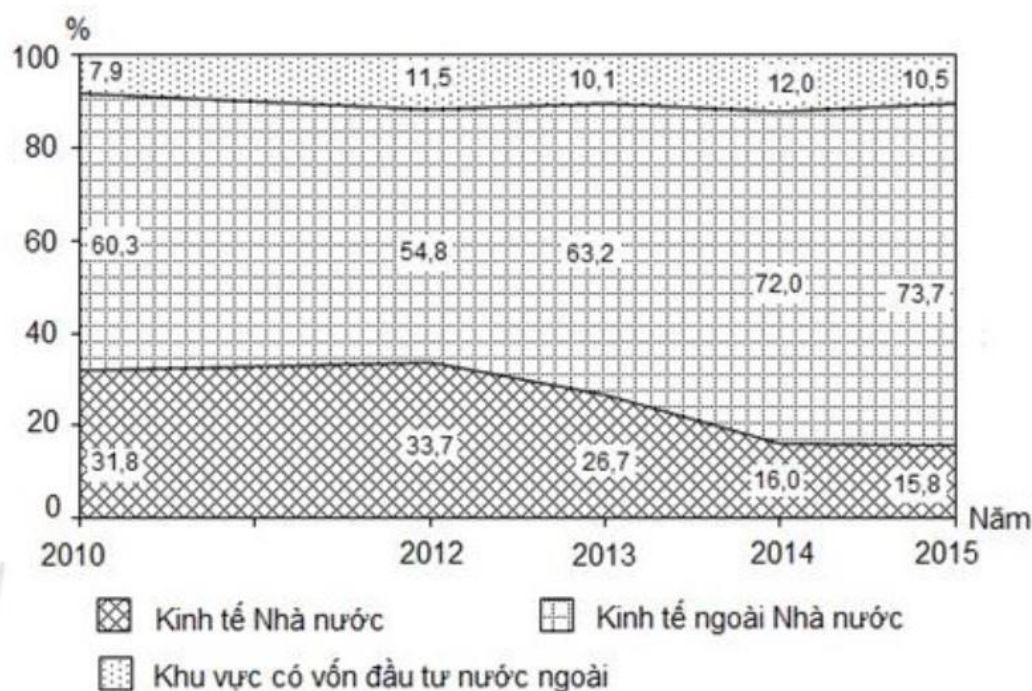
Câu 74. Để giảm tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

- A.** phát triển mạng lưới đô thị hợp lí đi đôi với xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn.
- B.** xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.
- C.** hạn chế sự gia tăng dân số tự nhiên ở cả nông thôn và thành thị.
- D.** phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị để tăng sức chứa dân cư.

Câu 75. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu GDP theo ngành kinh tế ở nước ta hiện nay không chứng tỏ điều gì?

- A.** Nền kinh tế nước ta đang khai thác tốt mọi tiềm năng của đất nước
- B.** Nền kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C.** Nền kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo cơ chế thị trường.
- D.** Nước ta đang xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, linh động.

Câu 76. Cho biểu đồ về DOANH THU DỊCH VỤ LỮ HÀNH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015
- B. Giá trị doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015
- C. Quy mô và cơ cấu doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015
- D. Tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015

Câu 77. Vùng núi đá vôi của nước ta có hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên là

- A. dễ xảy ra hiện tượng lũ ống và lũ quét.
- B. nguy cơ phát sinh động đất ở các đứt gãy.
- C. thường xuyên bị cháy rừng về mùa khô.
- D. dễ xảy ra tình trạng thiếu nước về mùa khô.

Câu 78: Ở miền khí hậu phía Bắc, trong mùa đông độ lạnh giảm dần về phía tây vì

- A. Nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình.
- B. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc
- C. Nhiệt độ tăng dần theo vĩ độ.
- D. Đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 79: Vì sao cùng một vĩ độ nhưng nhiệt độ trung bình năm của Nha Trang lại cao hơn Đà Lạt

- A.** Do Nha Trang nằm gần biển
- B.** Do Nha Trang có độ cao địa hình thấp hơn Đà Lạt
- C.** Do Nha Trang chịu ảnh hưởng mạnh của gió font Tây Nam
- D.** Do Nha Trang chịu ảnh hưởng của gió Tín phong bắc bán cầu

Câu 80. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN, GIAI ĐOẠN 2010-2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5 143	2 728	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2015	6 582	3 532	6 569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010-2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Đường.
- B.** Miền.
- C.** Kết hợp.
- D.** Cột.

ĐỀ 6

Câu 41: Để bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng, Nhà nước ta đã

- A.** xây dựng khu bảo bảo tồn thiên nhiên.
- B.** cấm săn bắt động vật trái phép.
- C.** cấm khai thác các loại gỗ quý hiếm.
- D.** ban hành Sách đỏ Việt Nam.

Câu 42: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A.** lở đất.
- B.** nhiễm mặn.
- C.** xói mòn.
- D.** cháy rừng.

Câu 43: Vùng có sản lượng tôm nuôi lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A.** Đồng bằng sông Hồng.
- B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
- C.** Bắc Trung Bộ.
- D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 44: Tiềm năng về thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống sông nào sau đây?

- A.** Hệ thống sông Đồng Nai.
- B.** Hệ thống sông Xe Xan.
- C.** Hệ thống sông Thu Bồn.
- D.** Hệ thống sông Hồng.

Câu 45: Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp phù sa thường xuyên chủ yếu do

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. sông ít phù sa. **B.** có đê ngăn lũ. **C.** nhiều gò đồi cao. **D.** mưa theo mùa.

Câu 46: Đất ở các đồng bằng Bắc Trung Bộ thuận lợi phát triển loại cây nào dưới đây?

A. Lúa nước.

B. Cây công nghiệp lâu năm.

C. Rau đậu.

D. Cây công nghiệp hàng năm.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích nhỏ nhất?

A. Thái Bình.

B. Bắc Ninh.

C. Hà Nam.

D. Hưng Yên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông?

A. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang.

B. Sông Thu Bồn.

C. Sông Ba.

D. Sông Thái Bình.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ nhất?

A. Cần Thơ.

B. Lạng Sơn.

C. Đồng Hới.

D. Đà Nẵng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13-14, cho biết cao nguyên nào sau đây thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Tà Phình.

B. Mơ Nông.

C. Sơn La.

D. Mộc Châu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng lớn nhất?

A. Cần Thơ.

B. Long Xuyên.

C. Đà Nẵng.

D. Hải Phòng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

A. Ninh Thuận.

B. Khánh Hòa.

C. Sóc Trăng.

D. Quảng Trị.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng về thủy sản nước ta?

A. Kiên Giang là tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất cả nước.

B. Giai đoạn 2000 - 2007, sản lượng thủy sản của nước ta tăng liên tục.

C. Thủy sản khai thác có sản lượng tăng nhanh hơn thủy sản nuôi trồng.

D. Quảng Ninh có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất?

A. Vinh.

B. Quy Nhơn.

C. Nha Trang.

D. Phan Thiết.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, nhận xét nào sau đây đúng với công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta?

A. Tập trung nhiều nhất ở đô thị lớn.

B. Cần Thơ là trung tâm lớn nhất.

C. Giá trị sản xuất biến động qua các năm.

D. Giá trị công nghiệp ngành dệt may thấp nhất.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối cửa khẩu Lào Bảo với địa điểm nào sau đây?

A. Đồng Hới.

B. Hồng Lĩnh.

C. Đông Hà.

D. Phú Bài.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết mỏ sắt Trại Cau thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Tuyên Quang.

B. Thái Nguyên.

C. Bắc Giang.

D. Vĩnh Phúc.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây không thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Vũng Áng. C. Nghi Sơn. D. Hòn La.

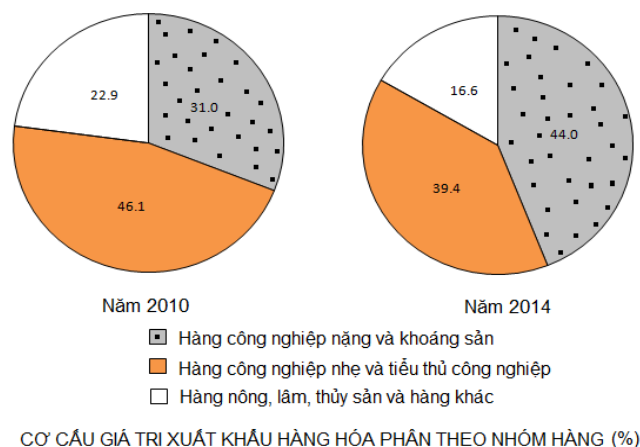
Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tỉnh nào sau đây có cây hồ tiêu?

- A. Kiên Giang. B. Sóc Trăng.
C. An Giang. D. Đồng Tháp.

Câu 61: Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ?

- A. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm mạnh.
B. Tỷ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
C. Tỷ trọng hàng nông, lâm thủy sản và hàng khác luôn nhỏ nhất.
D. Tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản luôn lớn nhất.

Câu 62. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ GIA CẦM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

Năm	Trâu (nghìn con)	Bò (nghìn con)	Lợn (nghìn con)	Gia cầm (triệu con)
2000	2 897,2	4 127,9	20 193,8	196,1
2005	2 922,2	5 540,7	27 435,0	219,9
2009	2 886,6	6 103,3	27 627,7	280,2
2015	2 524,0	5 367,2	27 750,7	341,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết vật nuôi nào có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2000 - 2015?

- A. Lợn. B. Gia cầm. C. Trâu. D. Bò.

Câu 63: Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây trên đất liền của nước ta lần lượt thuộc phạm vi lãnh thổ các tỉnh

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Điện Biên, Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa.

B. Điện Biên, Khánh Hòa, Cà Mau, Hà Giang.

C. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa.

D. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên.

Câu 64: Trong các loại hình giao thông vận tải ở nước ta, đường bộ có

A. khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất. **B.** tỉ trọng cao nhất về khối lượng vận chuyển.

C. trình độ kĩ thuật và công nghệ cao nhất. **D.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất.

Câu 65: Giá trị nhập khẩu của nước ta những năm gần đây tăng khá nhanh chủ yếu do

A. dân số đông, nhu cầu tiêu dùng lớn. **B.** chất lượng cuộc sống được nâng cao.

C. giá nguyên liệu đầu vào tăng. **D.** nhu cầu phát triển của sản xuất trong nước.

Câu 66: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc bộ là

A. chi phí khai thác lớn.

B. thiếu lao động có kỹ thuật.

C. nhiều khoáng sản trữ lượng nhỏ.

D. khoáng sản phân bố phân tán.

Câu 67: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ thuận lợi nhất cả nước để xây dựng cảng biển dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

A. Đường bờ biển dài, nhiều đầm phá. **B.** Cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.

C. Vị trí gần các tuyến hàng hải quốc tế. **D.** Có nhiều vịnh nước sâu rộng, kín gió.

Câu 68: Khó khăn lớn nhất về khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là

A. khí hậu phân hóa theo độ cao. **B.** mưa làm cho đất badan dễ vụn vỡ, xói mòn.

C. mùa khô sâu sắc và kéo dài.

D. thời tiết diễn biến khá thất thường.

Câu 69: Rừng trên thượng lưu các con sông của Đông Nam Bộ cần được bảo vệ nghiêm ngặt nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Hạn chế lũ quét và xói mòn đất vùng hạ nguồn.

B. Bảo tồn tính đa dạng sinh học và môi trường.

C. Bảo vệ các hồ thủy điện trước sự bồi lắng phù sa.

D. Tránh mất nước ở các hồ chứa và giữ nước ngầm.

Câu 70: Điểm khác biệt cơ bản nào sau đây về điều kiện tự nhiên làm cho Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lương thực lớn hơn so với Đồng bằng sông Hồng?

A. Nguồn nước phong phú.

B. Khí hậu thuận lợi.

C. Quy mô diện tích.

D. Trình độ thâm canh.

Câu 71: Ý nào sau đây không phải chiến lược phát triển tổng hợp kinh tế biển ở nước ta hiện nay?

A. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Thực hiện các biện pháp phòng tránh thiên tai.

C. Tập trung khai thác các tài nguyên ven bờ.

D. Phòng chống ô nhiễm môi trường biển.

Câu 72: Nhận định nào sau đây không chính xác về đặc điểm phân bố dân cư của nước ta?

A. Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn.

B. Mật độ dân số ở nông thôn thấp hơn thành thị.

C. Đồng bằng sông Cửu Long có mật độ dân số cao nhất.

D. Đồng bằng tập trung khoảng 75% dân số cả nước.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 73: Chất lượng lao động của nước ta đang được nâng lên nhờ

- A. đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.
- B. kinh nghiệm sản xuất được tích lũy qua nhiều thế hệ.
- C. thành tựu trong phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

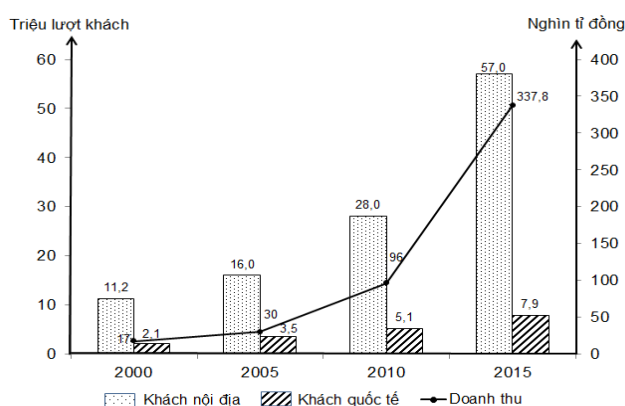
Câu 74: Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp là do

- A. cơ sở hạ tầng đô thị lạc hậu.
- B. trình độ công nghiệp hóa thấp.
- C. dân cư phân bố không đồng đều.
- D. đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ.

Câu 75: Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ trong nông nghiệp của nước ta hiện nay biểu hiện ở việc

- A. hình thành các vùng chuyên canh.
- B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.
- D. thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 76: Cho biểu đồ về tình hình phát triển ngành du lịch của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015.



(Nguồn số liệu: Tổng cục Du lịch Việt Nam)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Số lượt khách du lịch và doanh thu từ ngành du lịch của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015.
- B. Số lượt khách du lịch và tốc độ tăng doanh thu ngành du lịch của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015.
- C. Tốc độ tăng số lượt khách và doanh thu ngành du lịch của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015.
- D. Cơ cấu khách du lịch và doanh thu từ du lịch của nước ta, giai đoạn 2000 - 2015.

Câu 77: Cho bảng số liệu: DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2005	2009	2013	2015
Tổng số dân	82 392,1	86 025,0	89 759,5	91 709,8
Trong đó : - Thành thị	22 332,0	25 584,7	28 874,9	31 067,5
- Nông thôn	60 060,1	60 440,3	60 884,6	60 642,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2005 - 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột chồng.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Tròn.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 78: Ý nào sau đây **không** thể hiện đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa của địa hình Việt Nam?

- A. Hình thành các hang động ở vùng núi đá vôi. B. Đồng bằng châu thổ hàng năm vẫn lấn ra biển
C. Mạng lưới đê điều, kênh rạch chằng chịt. D. Hiện tượng trượt đất, lở đất ở vùng đồi núi.

Câu 79: Sự hình thành gió mùa Đông Nam ở đồng bằng Bắc Bộ nước ta là do tác động kết hợp của

- A. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.
B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và áp thấp vịnh Bắc Bộ.
C. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dải hội tụ nhiệt đới.
D. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Bạch Mã.

Câu 80. Nhận định nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của dãy Hoàng Liên Sơn đối với khí hậu vùng núi Tây Bắc?

- A. Làm cho mùa đông đến muộn hơn so với vùng Đông Bắc.
B. Làm gió mùa Đông Bắc giảm sút khi vào đến vùng.
C. Tạo nên sự phân hóa khí hậu theo đai cao.
D. Tạo nên hiệu ứng phơn sâu sắc nhất cả nước.

-----HẾT-----

ĐỀ 7

Câu 41: Biện pháp bảo vệ đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. thâm canh, tăng vụ.
C. kết hợp giữa nông nghiệp với lâm nghiệp. D. trồng cây theo băng.

Câu 42: Ở nước ta, khi bão hoạt động thường kèm theo thiên tai nào dưới đây?

- A. Sóng thần. B. Lũ lụt. C. Động đất. D. Lũ quét.

Câu 43: Các ngư trường trọng điểm ở nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng biển

- A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 44: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất trên hệ thống

- A. sông Đà. B. sông Hồng. C. sông Đồng Nai. D. sông Tiền, sông Hậu.

Câu 45: Trong phạm vi cả nước, cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch

- A. còn chậm. B. nhanh C. chưa ổn định. D. ổn định.

Câu 46: Diện tích rừng giàu của vùng Bắc Trung Bộ hiện nay chủ yếu tập trung ở

- A. giáp biên giới Việt - Lào. B. dải đồi núi thấp giáp biển.
C. vùng ven biển. D. trên các đảo trong vùng biển.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, tỉnh nào ở nước ta có biên giới giáp Lào và Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Lai Châu. D. Điện Biên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết cửa sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông Mê Công?

- A. Cửa Tiểu B. Cửa Soi Rạp. C. Cửa Đại D. Cửa Định An.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hướng gió mùa hạ thịnh hành ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ là

- A. Đông Bắc B. Đông Nam. C. Tây Nam. D. Nam.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây không thuộc vùng núi Tây Bắc?

- A. Dãy Pu Sam Sao. B. Dãy Hoàng Liên Sơn.
C. Dãy Con Voi. D. Dãy Pu Đen Đình.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô trên 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng.
C. Vũng Tàu. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào dưới đây **không** có diện tích trồng cây lúa so với diện tích trồng cây lương thực từ 60-70%?

- A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên.
C. Bắc Cạn. D. Tuyên Quang.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng từ trên 40% - 60% so với diện tích toàn tỉnh?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Kon Tum. D. Tuyên Quang.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ở trung tâm công nghiệp Vinh **không** có ngành nào sau đây?

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Chế biến nông sản. B. Cơ khí.

C. Sản xuất vật liệu xây dựng. D. Dệt, may.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

A. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau.

B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ.

C. Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc.

D. Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cảng không có tuyến vận tải biển quốc tế là

A. Hải Phòng.

B. Đà Nẵng.

C. Quy Nhơn.

D. Nhà Bè.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác than **không** có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Sơn La.

B. Thái Nguyên.

C. Bắc Giang.

D. Quảng Ninh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An.

B. Hà Tĩnh.

C. Quảng Bình.

D. Quảng Trị.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất là ngành

A. dịch vụ. B. nông, lâm, thủy sản.

C. công nghiệp - xây dựng. D. thương mại.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết các tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ có khu kinh tế cửa khẩu?

A. Bình Phước, Tây Ninh.

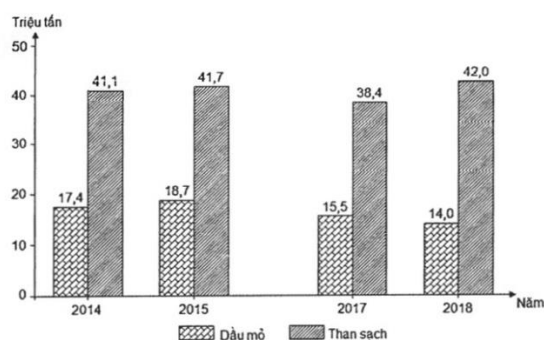
B. Bình Dương, Tây Ninh.

C. Tây Ninh, Đồng Nai.

D. Bình Phước, Đồng Nai.

Câu 61: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ THAN SẠCH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2014 - 2018



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018?

A. Than sạch tăng đều qua các năm.

B. Dầu mỏ giảm đều qua các năm.

C. Chênh lệch giữa than sạch và dầu mỏ có xu hướng giảm.

D. Chênh lệch giữa than sạch và dầu mỏ có xu hướng tăng.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	2005	2014	2005	2014
Đồng bằng sông Hồng	1186,1	1122,7	6398,4	7175,2

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Đồng bằng sông Cửu Long	3826,3	4249,5	19298,5	25475,0
-------------------------	--------	--------	---------	---------

Cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đồng bằng sông Hồng: diện tích giảm, sản lượng tăng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long: diện tích tăng, sản lượng tăng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long: tốc độ tăng diện tích nhanh hơn sản lượng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng tăng lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 63: Bộ phận nào trên vùng biển mà ở đó nước ta có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò và khai thác tài nguyên biển?

- A. Vùng lãnh hải.
- B. Vùng đặc quyền kinh tế.
- C. Vùng biển quốc tế.
- D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 64: Tuyến đường Quốc lộ 1A được xem là “xương sống” của ngành giao thông vận tải đường bộ nước ta vì

- A. xuyên suốt từ Bắc đến Nam, kết nối nhiều tuyến đường ngang.
- B. khả năng luân chuyển hàng hóa lớn nhất trong các loại đường.
- C. đi qua tất cả các vùng kinh tế của nước ta.
- D. là tuyến đường bộ phát triển lâu đời nhất nước ta.

Câu 65: Kim ngạch nhập khẩu nước ta tăng lên khá nhanh, điều đó phản ánh

- A. thị trường trong nước được thống nhất
- B. sự phục hồi và phát triển của sản xuất.
- C. cán cân xuất - nhập khẩu tiến tới cân đối.
- D. nước ta là nước nhập siêu.

Câu 66: Trung du và Miền núi Bắc Bộ có thế mạnh đặc biệt để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới vì

- A. khí hậu có mùa đông và phân hóa theo đai cao.
- B. có diện tích đất feralit trên đá vôi lớn.
- C. có nhiều cao nguyên, sơn nguyên rộng lớn.
- D. có nhiều thung lũng sông và cánh đồng miền núi.

Câu 67: Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng sản xuất muối nhiều nhất ở nước ta là do

- A. nền nhiệt cao, nắng nhiều, ít cửa sông.
- B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
- C. có nhiều tỉnh giáp biển nhất nước ta.
- D. nắng nhiều, nhiều cửa sông.

Câu 68: Tác động của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên đối với việc phát triển xã hội của vùng là

- A. ngăn chặn triệt để việc chặt phá rừng, lấn rừng làm nương rẫy.
- B. tạo ra tập quán sản xuất mới cho các đồng bào dân tộc ít người.
- C. khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, phát triển kinh tế hàng hóa.
- D. tăng cường sự kết nối giữa các vùng trên phạm vi cả nước.

Câu 69: Để phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, ưu tiên hàng đầu là

- A. phát triển thủy lợi.
- B. thay đổi cơ cấu cây trồng.
- C. đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.
- D. phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 70: Biện pháp **không** phù hợp với việc sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng cường khai thác các nguồn lợi từ mùa lũ.
- B. lai tạo các giống lúa mới chịu phèn, chịu mặn.
- C. chia ruộng thành các ô nhỏ để thau chua, rửa mặn.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

D. khai phá rừng ngập mặn để mở rộng diện tích nuôi trồng.

Câu 71: Hướng chủ yếu trong khai thác tài nguyên dầu khí ở nước ta là

A. tập trung xử lý các sự cố môi trường biển.

B. mở rộng thăm dò, khai thác và liên doanh với nước ngoài.

C. tập trung khai thác các mỏ dầu khí hiện nay.

D. tập trung thăm dò các mỏ dầu khí trên thềm lục địa.

Câu 72: Ảnh hưởng của sự phân bố dân cư chưa hợp lý ở nước ta là gây khó khăn trong

A. sử dụng hợp lý lao động và tài nguyên.

B. tạo thất nghiệp ở nông thôn lớn.

C. làm cho mật độ dân số khác nhau giữa các vùng.

D. giáo dục, y tế chậm phát triển.

Câu 73: Quá trình phân công lao động giữa các vùng ở nước ta chậm chuyển biến do

A. sự phát triển kinh tế không đều giữa các vùng.

B. phần lớn lao động có thu nhập thấp.

C. lao động phân bố không đều giữa các vùng.

D. trình độ lao động giữa các vùng còn chênh lệch.

Câu 74: Để khắc phục tình trạng cơ sở hạ tầng các đô thị của nước ta vẫn còn ở mức độ thấp so với các nước trong khu vực và thế giới cần phải

A. tập trung giải quyết tốt vấn đề việc làm đô thị.

B. cải thiện hệ thống giao thông, điện, nước, các công trình phúc lợi xã hội.

C. đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp.

D. đẩy nhanh phát triển quy mô các đô thị.

Câu 75: Để ngành công nghiệp chuyển dịch cơ cấu phù hợp với yêu cầu trong nước và thị trường xuất khẩu cần tập trung vào sản xuất

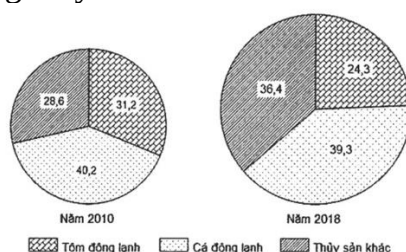
A. tất cả các loại sản phẩm phục vụ cho nhu cầu xã hội.

B. các sản phẩm có chất lượng thấp và trung bình.

C. các sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh.

D. các sản phẩm thô và sơ chế.

Câu 76: Cho biểu đồ về hàng thủy sản xuất khẩu của nước ta năm 2010 và năm 2018



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng thủy sản.

B. Quy mô giá trị xuất khẩu hàng thủy sản.

C. Sản lượng giá trị xuất khẩu hàng thủy sản.

D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu hàng thủy sản.

Câu 77: Cho bảng số liệu

SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ NĂM 2014

Năm		Cơ cấu (%)
-----	--	------------

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

	Số lao động đang làm việc (triệu người)	Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2005	42,8	57,3	18,2	24,5
2014	52,7	46,3	21,3	32,4

Để thể hiện quy mô, cơ cấu lao động nước ta phân theo khu vực kinh tế, dạng biểu đồ nào dưới đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ miền.

Câu 78: Để hạn chế tình trạng cát bay, cát lấn chiếm đồng ruộng, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai khu vực ven biển miền Trung, cần thực hiện giải pháp

- A. củng cố hệ thống đê kè ven biển.
B. duy trì và phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển.
C. đẩy mạnh hình thành và phát triển các đô thị ven biển.
D. hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản ven biển.

Câu 79: Khu vực Đông Bắc nước ta có mùa đông lạnh sâu sắc nhất nước, đó là kết quả của sự kết hợp

- A. hướng gió, thời gian mùa, độ cao địa hình.
B. hướng gió, hướng địa hình và thời gian mùa.
C. độ cao địa hình, hướng gió và hình dạng lãnh thổ.
D. hình dạng lãnh thổ, hướng gió và hướng địa hình.

Câu 80: Sự phân hóa thiên nhiên theo hướng Đông - Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. vị trí gần hoặc xa biển, độ cao địa hình.
B. do tác động của độ cao địa hình và vị trí lãnh thổ.
C. sự kết hợp giữa gió mùa và hình dạng lãnh thổ.
D. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

-----HẾT-----

Mã đề thi 008

Câu 41. Biện pháp nào sau đây để bảo vệ tài nguyên đất ở khu vực đồng bằng?

- A. Trồng cây theo băng. B. Đào hố vẩy cá.
C. Bón phân, cải tạo đất. D. Làm ruộng bậc thang.

Câu 42: Khu vực có động đất biểu hiện rất yếu ở nước ta là

- A. Tây Bắc. B. Nam Bộ.
C. Đông Bắc. D. Miền Trung.

Câu 43: Điều kiện thuận lợi để nuôi thả cá, tôm nước ngọt ở nước ta là có nhiều

- A. sông suối, kênh rạch, ao hồ, bãi triều.
B. sông suối, kênh rạch, ao hồ, ô trũng ở đồng bằng.
C. sông suối, kênh rạch, ao hồ, đầm phá.
D. sông suối, kênh rạch, ao hồ, rừng ngập mặn.

Câu 44: Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. vị trí gần các trung tâm công nghiệp.

B. cơ sở vật chất kĩ thuật được nâng cấp.

C. mạng lưới giao thông thuận lợi.

D. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 45: Vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng Sông Hồng và vùng phụ cận.

C. Đông Nam Bộ.

D. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Câu 46: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng

A. điều hòa nguồn nước. **B.** chống lũ quét. **C.** chắn gió, bão. **D.** hạn chế lũ lụt.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

A. Gia Lai.

B. Đắk Nông.

C. Kon Tum.

D. Đắk Lắk.

Câu 48: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào có chế độ nước chênh lệch giữa tháng lũ và tháng cạn lớn nhất ?

A. Hệ thống sông Đà Rằng.

B. Hệ thống sông Hồng.

C. Hệ thống sông Mê Công.

D. Hệ thống sông Kỳ Cùng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng 8?

A. Điện Biên.

B. Lạng Sơn.

C. Nha Trang.

D. Đà Lạt.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Kiều Liêu Ti.

B. Phanxipăng.

C. Pu Tha Ca.

D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Định An.

B. Vân Phong.

C. Nhơn Hội.

D. Dung Quất.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

A. Ninh Thuận.

B. Khánh Hòa.

C. Sóc Trăng.

D. Quảng Trị.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Việt Nam?

A. Kiên Giang.

B. Đồng Tháp.

C. An Giang.

D. Bà Rịa- Vũng Tàu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất?

A. Việt Trì.

B. Phúc Yên.

C. Hải Phòng.

D. Hà Nội.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

A. Huế.

B. Bảo Lộc.

C. Phan Thiết.

D. Nha Trang.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối Biên Hòa với Vũng Tàu?

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Quốc lộ 13. **B.** Quốc lộ 51.

C. Quốc lộ 22. **D.** Quốc lộ 20.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Hà Giang. **B.** Cao Bằng. **C.** Lạng Sơn. **D.** Quảng Ninh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 7 chạy qua tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Trị. **B.** Thanh Hóa.
C. Nghệ An. **D.** Quảng Bình.

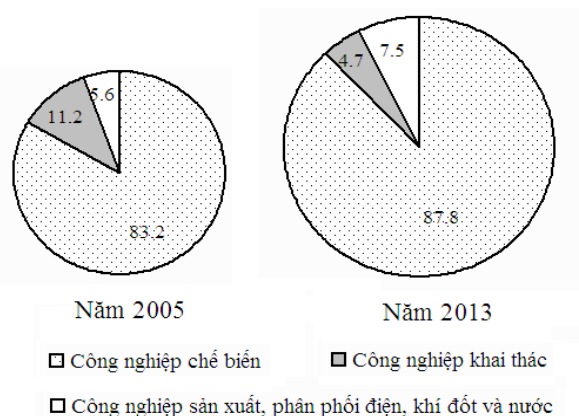
Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý ở nước ta lần lượt thuộc các tỉnh

A. Quảng Trị, Bình Thuận. **B.** Quảng Ngãi, Khánh Hòa
C. Quảng Ngãi, Bình Thuận. **D.** Khánh Hòa, Bình Thuận.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào dưới đây có các ngành cơ khí, dệt may?

A. Rạch Giá. **B.** Sóc Trăng. **C.** Long Xuyên. **D.** Cà Mau.

Câu 61: Cho biểu đồ



CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NHÓM NGÀNH

Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành của nước ta năm 2005 và 2013?

A. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến.
B. Ngành công nghiệp khai thác luôn có tỉ trọng nhỏ nhất.
C. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp khai thác.
D. Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước luôn ổn định.

Câu 62: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng lúa (nghìn tấn)	
	2005	2014	2005	2014
Đồng bằng sông Hồng	1 186,1	1 122,7	6 398,4	7 175,2
Đồng bằng sông Cửu Long	3 826,3	4 249,5	19 298,5	25 475, 0

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2005 và năm 2014?

- A. Đồng bằng sông Hồng có diện tích giảm, sản lượng tăng.
- B. Diện tích ở Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn sản lượng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tăng, sản lượng tăng.
- D. Sản lượng ở Đồng bằng sông Cửu Long luôn lớn hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 63: Vùng đất là

- A. phần đất liền giáp biển.
- B. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.
- C. phần được giới hạn bởi các đường biên giới.
- D. các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

Câu 64: Ngành hàng không nước ta là ngành non trẻ nhưng có những bước tiến rất nhanh chủ yếu vì

- A. phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- B. cơ sở vật chất nhanh chóng được hiện đại hóa.
- C. thu hút được nguồn vốn lớn từ đầu tư nước ngoài.
- D. đội ngũ lao động của ngành được đào tạo chuyên nghiệp.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngoại thương của nước ta thời kì sau Đổi mới?

- A. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá.
- B. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.
- C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.
- D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và lãnh thổ trên thế giới.

Câu 66: Thế mạnh nào sau đây **không** phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phát triển kinh tế biển và du lịch ở Vịnh Hạ Long.
- B. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn.
- C. Trồng cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.
- D. Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

Câu 67: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.
- B. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
- C. Tập trung đánh bắt gần bờ, hạn chế phát triển đánh bắt xa bờ.
- D. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng, phong phú.

Câu 68: Thuận lợi của đất đỏ badan ở Tây Nguyên đối với việc thành lập các nông trường và các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn là

- A. tầng phong hóa nông, giàu dinh dưỡng, phân bố rải rác ở nhiều nơi.
- B. tầng phong hóa sâu, giàu dinh dưỡng, phân bố tập trung với mặt bằng rộng lớn.
- C. tầng phong hóa sâu, giàu dinh dưỡng, phân bố chủ yếu ở bán bình nguyên.
- D. tầng phong hóa nông, giàu dinh dưỡng, phân bố ở độ cao trên 2600m.

Câu 69: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

D. phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

Câu 70: Ở vùng Tứ giác Long Xuyên thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, biện pháp quan trọng hàng đầu để cải tạo đất, rửa phèn là

A. dùng nước ngọt từ sông Hậu đổ về, thông qua kênh Vĩnh Tế.

B. dùng nước ngọt từ sông Tiền đổ về, thông qua kênh Vĩnh Tế.

C. tạo ra các loại giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

D. cơ cấu mùa vụ thay đổi phù hợp với điều kiện canh tác.

Câu 71: Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng thủy sản khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của nước ta hiện nay là

A. hiện đại hoá các phương tiện, tăng cường đánh bắt xa bờ.

B. đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

C. tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.

D. tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.

Câu 72: Hậu quả của gia tăng dân số nhanh về mặt môi trường là

A. làm giảm tốc độ phát triển kinh tế. **B.** chất lượng cuộc sống chậm được cải thiện.

C. không đảm bảo sự phát triển bền vững. **D.** tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp cao.

Câu 73: Nhân tố làm cho quá trình phân công lao động xã hội nước ta chậm chuyển biến là do

A. năng suất lao động xã hội thấp.

B. cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm.

C. các hoạt động sản xuất ít đa dạng.

D. phần lớn lao động có thu nhập thấp.

Câu 74: Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua là

A. công nghiệp hoá được đẩy mạnh.

B. quá trình đô thị hoá tự phát.

C. mức sống của người dân cao.

D. chất lượng cuộc sống nâng lên.

Câu 75: Khu vực dịch vụ đã có những bước tăng trưởng ở một số mặt, nhất là trong lĩnh vực liên quan đến

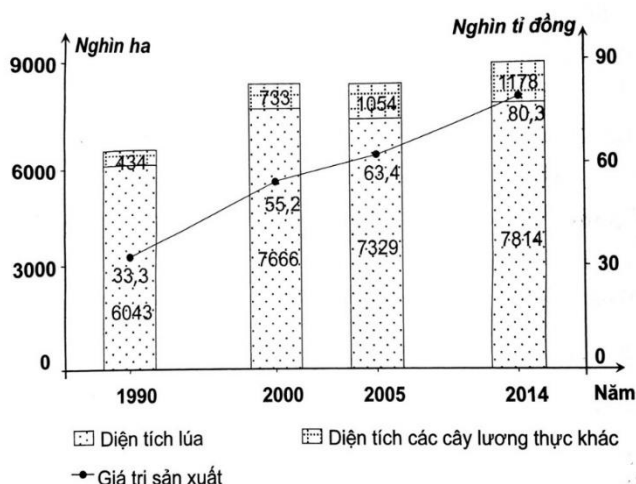
A. phát triển các loại hình dịch vụ mới.

B. kết cấu hạ tầng kinh tế và phát triển đô thị.

C. đẩy mạnh các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

D. tập trung vào các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao.

Câu 76: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp và diện tích cây lương thực của nước ta.
- B. Diện tích gieo trồng và giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990 - 2014
- C. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp và diện tích cây lương thực của nước ta.
- D. Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất của cây lương thực ở nước ta giai đoạn 1990 - 2014.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA

NĂM 2000 VÀ 2017 (Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Khai thác	Nuôi trồng
2000	1.660,9	590,0
2017	3.420,5	3.892,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017- NXB Thống kê 2018)

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo khai thác và nuôi trồng của nước ta năm 2000 và năm 2017, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn.
- B. Biểu đồ miền.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ cột.

Câu 78: Vùng biển nước ta có nhiều thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là ven biển Nam Trung Bộ vì có

- A. nhiệt độ cao, nhiều nắng, lại chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển.
- B. nhiệt độ cao, độ mặn vừa phải.
- C. là vùng biển tương đối kín, bao bọc bởi vòng cung đảo.
- D. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiều nắng.

Câu 79: Nơi nào sau đây chịu tác động mạnh nhất của gió phơn Tây Nam (hay còn gọi là gió Tây hoặc gió Lào)?

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

thuộc tỉnh nào sau đây?

- A.** Lai Châu. **B.** Lào Cai **C.** Sơn La. **D.** Điện Biên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Hồng?

- A.** Sông Gâm **B.** Sông Chảy **C.** Sông Cầu **D.** Sông Lô

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào có gió Tây khô nóng hoạt động mạnh?

- A.** Tây Nguyên **B.** Nam Bộ **C.** Bắc Trung Bộ **D.** Đông Bắc Bộ

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hồ nào nằm ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A.** Thác Bà **B.** Núi Cốc **C.** Ba Bể **D.** Kẻ Gỗ

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A.** Vùng Duyên hải NTB. **B.** Vùng Tây Nguyên. **C.** Vùng Bắc Trung Bộ. **D.** Vùng Đông Nam Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào dưới đây có diện tích cây công nghiệp hàng năm lớn nhất ?

- A.** Sơn La **B.** Nghệ An **C.** Quảng Trị **D.** Bình Định

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết 4 tỉnh dẫn đầu cả nước về sản lượng khai thác thủy sản là những tỉnh nào dưới đây?

- A.** Kiên Giang, Bạc Liêu, Phú Yên, Quảng Ninh.
B. Bình Thuận, Bến Tre, Nghệ An, Quảng Bình.
C. Cà Mau, Ninh Thuận, Quảng Nam, Thanh Hoá.
D. Kiên Giang, Bà Rịa-VT, Bình Thuận, Cà Mau.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Vinh bao gồm các ngành nào sau đây?

- A.** cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản.
B. điện tử, dệt may, đóng tàu, chế biến nông sản.
C. luyện kim màu, hoá chất phân bón, chế biến thực phẩm.
D. sản xuất giấy xenlulo, luyện kim đen, đóng tàu.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp nào dưới đây có quy mô nhỏ?

- A.** Phủ Lý **B.** Việt Trì **C.** Hải Dương **D.** Thanh Hóa

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường sắt dài nhất nước ta là

- A.** Hà Nội - Thái Nguyên. **B.** Hà Nội - TPHCM.
C. Hà Nội - Lào Cai. **D.** Hà Nội - Hải Phòng.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết núi nào sau đây nằm ở vùng Đông Bắc?

- A.** Pu Sam Sao **B.** Pu Trà **C.** Nam Châu Lạnh **D.** Pu Huổi Long

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cao su được trồng nhiều ở tỉnh nào dưới đây?

- A.** Thanh Hóa **B.** Nghệ An **C.** Hà Tĩnh **D.** Quảng Bình

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 28, cho biết sông Ba chảy qua tỉnh nào dưới đây?

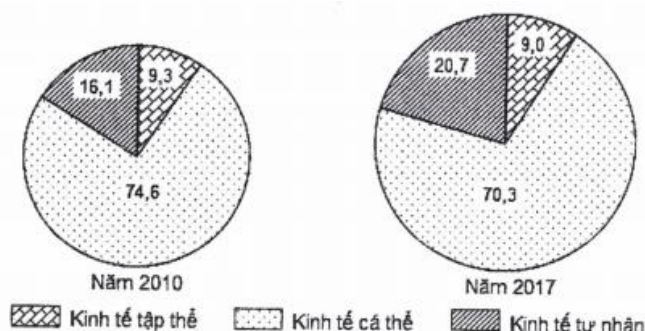
- A.** Gia Lai **B.** Đắk Lắk **C.** Lâm Đồng **D.** Đắk Nông

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. An Giang B. Kiên Giang C. Đồng Tháp D. Long An

Câu 61: Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. B. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. D. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 62. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ NƯỚC TA
(Đơn vị: %)

Năm	2005	2009	2018
Nông, lâm, thủy sản	57,3	53,9	35,3
Công nghiệp, xây dựng	18,2	20,3	29,2
Dịch vụ	24,5	25,8	35,5

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2018)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tỉ trọng lao động khu vực nông, lâm, thủy sản luôn cao nhất.
B. Cơ cấu sử dụng lao động chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm.
C. Tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ tăng nhanh, công nghiệp, xây dựng giảm.
D. Tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp, xây dựng giảm.

Câu 63: Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc do đó

- A. có nhiều tài nguyên khoáng sản. B. có nền nhiệt độ cao.
C. có tài nguyên sinh vật quý giá. D. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 64: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với mạng lưới giao thông vận tải nước ta?

- A. Hòa nhập vào mạng lưới giao thông vận tải của khu vực.
B. Phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình khác nhau.
C. Mỗi loại hình vận tải có vai trò riêng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội.
D. Vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong vận chuyển hàng hóa.

Câu 65: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta tăng liên tục?

- A. mở rộng và đa dạng hóa thị trường. B. tăng cường sản xuất hàng hóa.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. nâng cao năng suất lao động.

D. tổ chức sản xuất hợp lí.

Câu 66: Tại sao Trung du và miền núi Bắc Bộ có đàn trâu lớn nhất nước ta?

A. Cơ sở chế biến rất phát triển.

B. Có nhiều đồng cỏ, khí hậu thích hợp.

C. Nhu cầu tiêu thụ trâu lớn nhất.

D. Nhu cầu sức kéo trong sản xuất nông nghiệp lớn.

Câu 67: Duyên hải Nam Trung Bộ có hoạt động dịch vụ hàng hải phát triển mạnh là do

A. có nhiều vịnh nước sâu để xây dựng cảng. B. cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, Campuchia.

C. tỉnh nào cũng giáp biển, vùng biển rộng.

D. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 68: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

A. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt.

B. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.

C. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.

D. Quy hoạch các vùng chuyên canh.

Câu 69: Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc phát triển công nghiệp lọc, hóa dầu ở Đông Nam Bộ là

A. tạo nhiều việc làm cho người lao động.

B. góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

C. làm đa dạng hóa các sản phẩm công nghiệp của vùng.

D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

Câu 70: Giải pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Lai tạo giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

B. Đẩy mạnh khai thác các nguồn lợi từ lũ.

C. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

D. Khai thác rừng ngập mặn nuôi thủy sản

Câu 71: Ý nào sau đây **không** đúng đối với việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

A. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.

B. Tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.

C. Hạn chế việc đánh bắt xa bờ để tránh thiệt hại do bão gây ra.

D. Cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.

Câu 72: Biểu hiện rõ rệt về sức ép của gia tăng dân số nhanh đến chất lượng cuộc sống là

A. ô nhiễm môi trường.

B. giảm tốc độ phát triển kinh tế.

C. giảm GDP bình quân đầu người.

D. cạn kiệt tài nguyên.

Câu 73: Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế của nước ta hiện nay có sự thay đổi chủ yếu là do

A. kết quả của quá trình đô thị hoá.

B. kết quả của quá trình công nghiệp

hoá-hiện đại hoá.

C. sự phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng. D. hội nhập kinh tế thế giới.

Câu 74: Ở nước ta đô thị phân bố không đều giữa các vùng, nguyên nhân chủ yếu do sự khác biệt về

A. điều kiện tự nhiên và văn hóa.

B. vị trí địa lí và quy mô dân số.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

C. trình độ phát triển kinh tế xã hội.

D. chính sách phát triển kinh tế xã

Câu 75: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững ngành công nghiệp của nước ta là

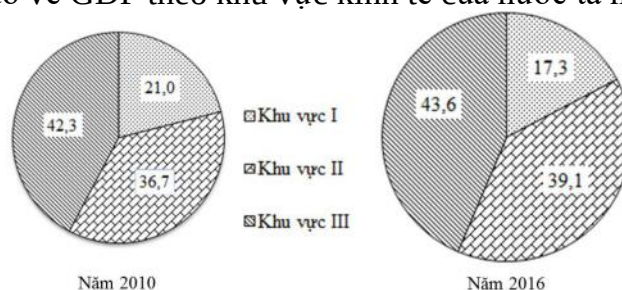
A. phát triển giao thông vận tải, thông tin liên lạc. B. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.

C. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

D. đầu tư công nghệ, giảm

thiếu ô nhiễm.

Câu 76: Cho biểu đồ về GDP theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016.

B. Giá trị GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016.

C. Chuyển dịch cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016.

D. Sự thay đổi giá trị GDP theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2010 và 2016

Câu 77: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO
THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017.

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2010	2014	2016	2017
Kinh tế Nhà nước	157359,1	150189,1	152207,2	155746,9
Kinh tế ngoài Nhà nước	57667,7	70484,2	86581,3	98756,3
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2740,3	2477,8	2588,4	2674,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Tròn.

C. Đường.

D. Kết hợp.

Câu 78: Ở vùng ven biển nước ta, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản?

A. Các tam giác châu thổ với bãi triều rộng.

B. Các vũng vịnh nước sâu.

C. Các đảo ven bờ.

D. Các rạn san hô.

Câu 79: Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp làm cho phần lớn sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và có độ dốc lớn là

A. Địa hình và sự phân bố thổ nhưỡng.

B. Khí hậu và sự phân bố địa hình.

C. Hình dạng lãnh thổ và khí hậu.

D. Hình dạng lãnh thổ và sự phân bố địa

hình.

Câu 80: So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất vì

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

A. Cần Thơ. B. Sóc Trăng. C. An Giang. D. Trà Vinh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có quy mô từ 9 - 40 nghìn tỉ đồng?

A. Cần Thơ, Long Xuyên. B. Cần Thơ, Cà Mau.
C. Cà Mau, Long Xuyên. D. Sóc Trăng, Mỹ Tho.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây của vùng đồng bằng Sông Cửu Long có quy mô lớn?

A. Long Xuyên, Cần Thơ. B. Sóc Trăng, Rạch Giá.
C. Cà Mau, Cần Thơ. D. Cà Mau, Rạch Giá.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển nào sau đây quan trọng nhất của nước ta?

A. Hải Phòng - Đà Nẵng. B. Đà Nẵng - TP. Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng - Quy Nhơn. D. TP. Hồ Chí Minh - Hải Phòng.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Vân Đồn. B. Đình Vũ - Cát Hải.
C. Nghi Sơn. D. Vũng Áng.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, các tuyến đường bộ Đông - Tây nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Quốc lộ 7, 8, 9. B. Quốc lộ 7, 14, 15.
C. Quốc lộ 8, 14, 15. D. Quốc lộ 9, 14, 15.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thuộc tỉnh và thành phố nào của nước ta?

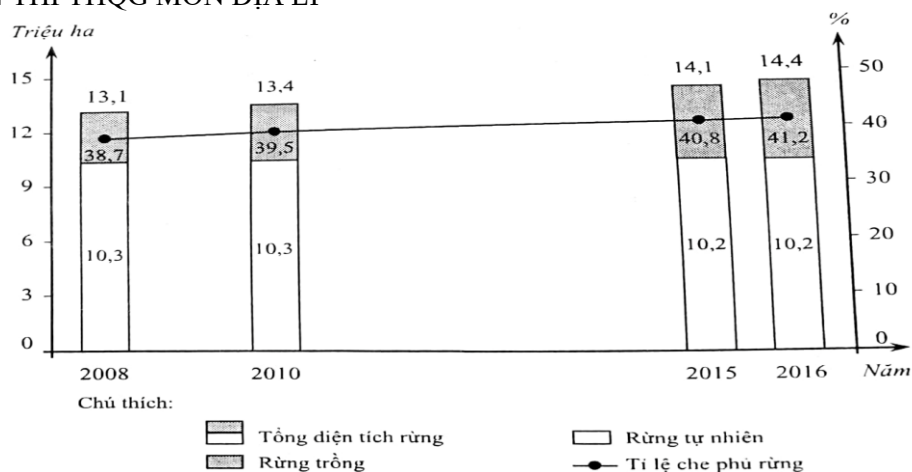
A. Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng. B. Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
C. Phú Yên và thành phố Đà Nẵng. D. Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Cửu Long có ít ngành công nghiệp nhất?

A. Cần Thơ. B. Cà Mau. C. Rạch Giá. D. Hà Tiên.

Câu 61: Cho biểu đồ:

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2008 - 2016

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta, giai đoạn 2008 - 2016?

- A. Tổng diện tích rừng và độ che phủ rừng đều tăng.
- B. Tổng diện tích rừng và độ che phủ rừng đều giảm.
- C. Tổng diện tích rừng giảm còn độ che phủ rừng tăng.
- D. Tổng diện tích rừng tăng còn độ che phủ rừng giảm.

Câu 62: Cho bảng số liệu: CƠ CẤU DÂN SỐ VIỆT NAM THEO NHÓM TUỔI (Đơn vị: %)

Năm	Nhóm tuổi		
	0 - 14	15 - 59	Từ 60 tuổi trở lên
2009	24,5	66,8	8,7
2014	23,5	66,3	10,2

Theo bảng số liệu trên, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu dân số Việt Nam phân theo nhóm tuổi?

- A. Tỷ trọng dân số 0 - 14 tuổi tăng.
- B. Tỷ trọng dân số 15 - 59 tuổi giảm.
- C. Tỷ trọng dân số 15 - 59 tuổi lớn nhất.
- D. Tỷ trọng dân số từ 60 tuổi trở lên tăng.

Câu 63: Việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia của nước ta gặp nhiều khó khăn là do

- A. đất nước nhiều đồi núi.
- B. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang.
- C. tiếp giáp nhiều nước trên biển.
- D. có đường biên giới kéo dài trên đất liền và trên biển.

Câu 64: Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu, buôn bán với các nước trong khu vực Đông Nam Á là

- A. đường bộ.
- B. đường sông.
- C. đường biển.
- D. đường hàng không.

Câu 65: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào

- A. sự phân bố dân cư, đô thị.
- B. sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ.
- C. sự phân bố các ngành sản xuất.
- D. sự phân bố các tài nguyên du lịch.

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ

Câu 66: Ngành kinh tế biển nổi bật nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong những năm gần đây là

- A. ngư nghiệp. B. khai thác khoáng sản.
C. du lịch biển đảo. D. giao thông vận tải biển.

Câu 67: Điều kiện thuận lợi nhất về tự nhiên trong việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển dài có nhiều vũng vịnh, đầm phá. B. có nhiều bãi tôm, bãi cá với nhiều loại quý hiếm.
C. nằm gần các ngư trường lớn. D. thêm lục địa sâu, có nhiều rặng san hô.

Câu 68: Đất đỏ badan đã mang đến thuận lợi cho Tây Nguyên trong việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với quy mô lớn là do

- A. giàu chất dinh dưỡng. B. dễ thoát nước, ít bị xói mòn, rửa trôi.
C. có tầng phong hóa sâu. D. tập trung với những mặt bằng rộng lớn.

Câu 69: Nơi thuận lợi nhất của khu vực ven biển Đông Nam Bộ đối với nuôi trồng thủy sản là có

- A. nhiều cửa sông lớn. B. vũng, vịnh. C. rừng ngập mặn. D. đầm phá.

Câu 70: Hoạt động du lịch phổ biến nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây là

- A. mạo hiểm. B. nghỉ dưỡng. C. sinh thái. D. văn hóa.

Câu 71: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển là

- A. tài nguyên biển bị suy giảm nghiêm trọng. B. tài nguyên biển đa dạng.
C. môi trường biển dễ bị chia cắt. D. môi trường biển mang tính biệt lập.

Câu 72: Khu vực Tây Bắc có mật độ dân cư thấp nhất nước ta, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. khí hậu quá khắc nghiệt. B. điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
C. địa hình nhiều núi, bị chia cắt mạnh. D. ít các trung tâm công nghiệp.

Câu 73: Vùng có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 74: Tác động lớn nhất của đô thị hoá đến phát triển kinh tế của nước ta là

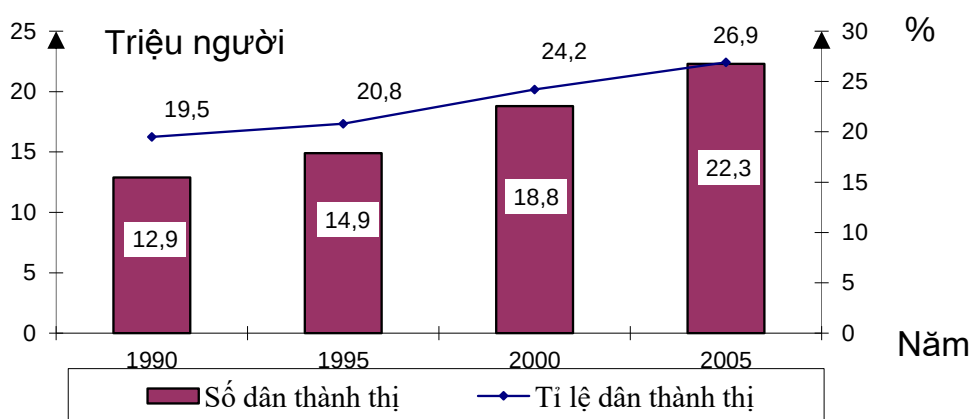
- A. tạo ra nhiều việc làm cho nhân dân. B. tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.
C. tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

Câu 75: Thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt vẫn do Nhà nước quản lí.
B. thành phần kinh tế Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng cao.
C. do nước ta là nước xã hội chủ nghĩa.
D. các thành phần kinh tế khác còn chậm phát triển.

Câu 76: Cho biểu đồ:

BỘ ĐỀ ÔN THI THQG MÔN ĐỊA LÍ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số thành thị và nông thôn.
- B. Tình hình đô thị hóa ở nước ta.
- C. Quy mô dân số đô thị.
- D. Sự gia tăng dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Dân số thành thị (nghìn người)	Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên (%)
2000	77635	18772	1,36
2005	82392	22332	1,31
2010	86947	26515	1,03
2015	91713	31131	0,94

Để thể hiện tổng số dân, dân số thành thị và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2000 - 2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn.
- B. Biểu đồ miền.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ kết hợp cột chồng - đường.

Câu 78: Vùng nào sau đây ở nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển nước sâu?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 79: Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ của nước ta có lượng mưa thấp nhất là do

- A. địa hình vuông góc với hướng gió.
- B. địa hình song song với hướng gió.
- C. có dòng biển lạnh chảy qua.
- D. tác động của gió tín phong.

Câu 8: Nguyên nhân chính làm thiên nhiên phân hóa theo Đông - Tây ở vùng đồi núi phức tạp là do

- A. gió mùa và độ cao địa hình.
- B. gió mùa và biển Đông.
- C. hướng các dãy núi và độ cao địa hình.
- D. gió mùa và hướng các dãy núi.

-----HẾT-----